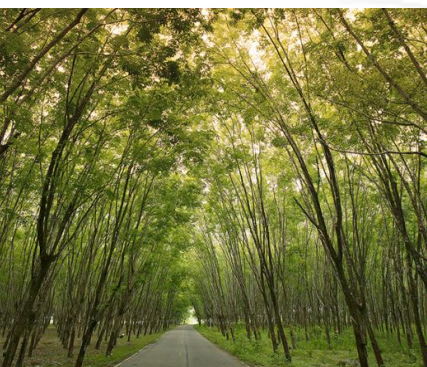


CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU TÂY NINH



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2012







NỘI DUNG

07 GIỚI THIỆU CÔNG TY

08 Thông tin khái quát

08 Lĩnh vực hoạt động

09 Lịch sử hình thành và phát triển

10 Những giải thưởng, sản phẩm tiêu biểu

13 Mô hình quản trị , tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

16 Rủi ro

18 Định hướng phát triển

20 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

22 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

23 Tổ chức và nhân sự

34 Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án

39 Tình hình tài chính

43 Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu

46 BÁO CÁO BAN GIÁM ĐỐC

48 Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh

51 Tình hình tài chính

55 Những cải tiến về cơ cấu tổ chức và chính sách quản

56 Kế hoạch phát triển tương lai

58 ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

60 Đánh giá các mặt hoạt động của công ty

64 Đánh giá hoạt động của Ban giám đốc

65 Kế hoạch và định hướng của Hội đồng quản trị

66 QUẢN TRỊ CÔNG TY

68 Hội đồng quản trị

72 Ban Kiểm soát

77 Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát

80 Các hoạt động liên quan

82 BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2012

88 Ý kiến kiểm toán

89 Báo cáo tài chính đã kiểm toán

Thông điệp từ Chủ tịch Hội đồng quản trị



Kính thưa quý cổ đông

Năm 2012 đã qua đi, tình hình kinh tế thế giới có nhiều diễn biến phức tạp, kinh tế trong nước tiếp tục gặp khó khăn, Công ty CP Cao su Tây Ninh (TRC) cũng gặp không ít biến động trong bối cảnh kinh tế chung của cả nước nhưng dưới sự chỉ đạo điều hành quyết liệt của Chính phủ, kinh tế vĩ mô cũng đã đi dần vào ổn định, lạm phát, chỉ số tiêu dùng dần dần được kiểm soát và có xu hướng giảm song vẫn còn ở mức cao. Bên cạnh những thuận lợi thì kinh tế vĩ mô còn tiềm ẩn nhiều rủi ro, sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp tiếp tục bị ảnh hưởng mạnh do chi phí đầu vào tăng cao, thị trường thu hẹp, hàng tồn kho lớn, lãi suất vẫn cao gây khó khăn cho sản xuất của doanh nghiệp. Với kết quả sản xuất kinh doanh năm 2012 mà Công ty CP Cao su Tây Ninh đã đạt được mặc dù có thấp hơn so với năm 2011 về doanh thu, lợi nhuận do tình hình giá bán bình quân trong năm 2012 giảm sút (giảm 35% so với năm 2011) nhưng Công ty cũng đã đảm bảo được các chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra, đời sống cán bộ công nhân viên và người lao động được ổn định, an sinh xã hội trên địa bàn địa phương được duy trì tốt. Là một trong các đơn vị góp phần hoàn thành kế hoạch của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam.

Trong năm 2012 vừa qua, tổng tài sản của Công ty đạt 1.484,8 tỷ đồng, tăng 0,9% so với năm 2011, doanh thu từ hoạt động kinh doanh đạt 915,5 tỷ đồng (giảm 23,4 % so với năm 2011) đạt 78,5% so với kế hoạch, lợi nhuận trước thuế đạt 389,9 tỷ đồng (giảm 31,3% so với năm 2011) vượt 28,1% so với kế hoạch. Để đạt được kết quả trên là nhờ Công ty có tập thể Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc điều hành và cán bộ công nhân viên đoàn kết một lòng, khắc phục khó khăn để hoàn thành nhiệm vụ.

Trân trọng kính chào.







I. GIỚI THIỆU CÔNG TY

- ❖ Thông tin khái quát
 - ❖ Lĩnh vực hoạt động
 - ❖ Lịch sử hình thành và phát triển
 - ❖ Những giải thưởng, sản phẩm tiêu biểu
 - ❖ Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
 - ❖ Rủi ro
 - ❖ Mục tiêu và định hướng tương lai
-



THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên công ty: Công ty cổ phần Cao su Tây Ninh

Tên Tiếng Anh: Tay Ninh Rubber Joint Stock Company

Tên viết tắt: TANIRUCO

Mã cổ phiếu: TRC

Vốn điều lệ: 300.000.000.000 đồng

Trụ sở : Quốc lộ 22B- Hiệp Thạnh- Gò Dầu- Tây Ninh

Điện thoại: 066. 3853606 – 3853232

Fax: 066. 3853608

Email: taniruco@gmail.com

Website: www.taniruco.com.vn

Giấy chứng nhận ĐKKD: 3900242776 do Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp thay đổi lần thứ 4 ngày 24/07/2012

LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG

- Trồng mới, chăm sóc, khai thác, chế biến và xuất khẩu cao su thiên nhiên.
- Chế biến XNK gỗ, SX cây cao su giống.
- Kinh doanh nhiên liệu, vật tư tổng hợp.
- Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp và điện.

LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

- 1908** Công ty bắt đầu thành lập từ năm 1908 với 27 Ha đầu tiên tại Vên Vên và sau đó phát triển thêm lên đến 2.600Ha
- 1975** Đồn điền được chuyển thành Nông trường quốc doanh cao su Tây Ninh và thuộc sở hữu nhà nước
- 1981** Nông Trường được nâng cấp lên thành Công ty và lấy tên là Công ty Cao su Tây Ninh.
- 1987** Tổng cục Cao su Việt Nam ký quyết định đổi Công ty Cao su Tây Ninh thành XN liên hợp cao su Tây Ninh
- 1993** Bộ Nông Nghiệp cho phép chuyển XNLH cao su Tây Ninh trở lại thành Công ty Cao su Tây Ninh
- 2004** Thủ Tướng Chính phủ quyết định chuyển Công ty cao su Tây Ninh thành Công ty TNHH một thành viên cao su Tây Ninh và hoạt động theo luật doanh nghiệp
- 2006** Tháng 11, Bộ NN và PTNT ký quyết định chuyển Công ty TNHH một thành viên Cao su Tây Ninh thành Công ty Cổ phần cao su Tây Ninh cho đến nay
- Tháng 12, Tổ chức đại hội đồng cổ đông sáng lập lần đầu tiên của Công Ty CP Cao Su Tây Ninh và hoạt động với mức vốn điều lệ là 300 tỉ đồng, tương đương 30 triệu cổ phần phổ thông. Công Ty Cổ Phần Cao Su Tây Ninh được nhận giấy phép đăng ký kinh doanh số 4503000058 từ Sở KHĐT tỉnh Tây Ninh, chính thức hoạt động theo mô hình cổ phần.
- 2007** Niêm yết 30 triệu CP lên Sở GDCK TpHCM (HoSE)
- 2012** Triển khai phát triển dự án trồng cao su tại Vương quốc Campuchia

Những giải thưởng tiêu biểu





Sản phẩm tiêu biểu

TIÊU CHUẨN HÓA LÝ CAO SU LY TÂM (HA)



CÁC CHỈ TIÊU HÓA – LÝ CỦA CAO SU SVR 5
THEO TCVN 3769:2004



CÁC CHỈ TIÊU HÓA – LÝ CỦA CAO SU SVR 10
THEO TCVN 3769:2004



CÁC CHỈ TIÊU HÓA – LÝ CỦA CAO SU SVR 20
THEO TCVN 3769:2004



CÁC CHỈ TIÊU HÓA – LÝ CỦA CAO SU SVR
CV50 THEO TCVN 3769:2004

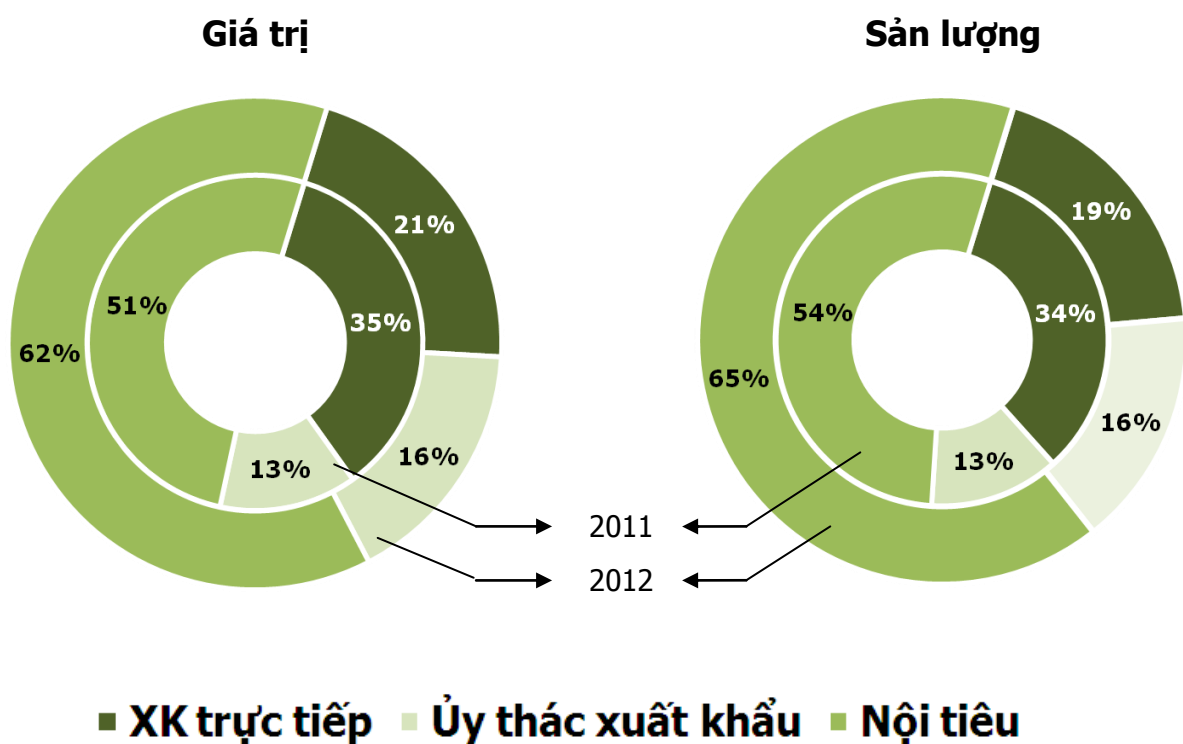


CÁC CHỈ TIÊU HÓA – LÝ CỦA CAO SU SVR
CV60 THEO TCVN 3769:2004



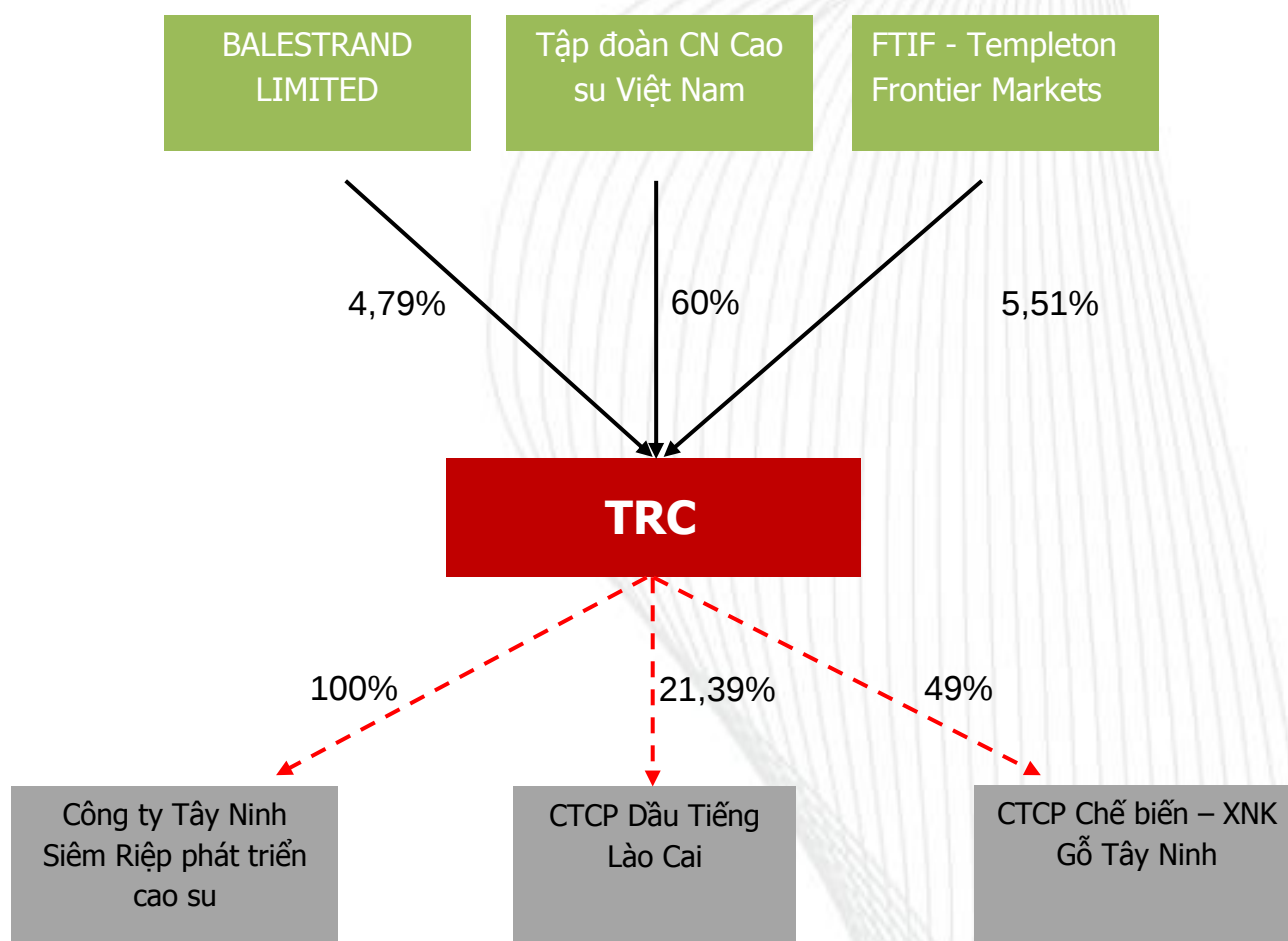
Cơ cấu doanh thu

Kênh tiêu thụ	2011		2012	
	Sản lượng (tấn)	Giá trị (tr.đồng)	Sản lượng (tấn)	Giá trị (tr.đồng)
Xuất khẩu	3.848	364.889	2.289	162.642
Ủy thác xuất khẩu	1.449	136.525	1.918	126.461
Nội tiêu	6.147	528.795	7.934	479.073



Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Mô hình quản trị



- - - - -> Công ty con, liên doanh, liên kết

————> Tổ chức/Cá nhân sở hữu TRC

Sơ đồ tổ chức



Ghi chú:

ĐHĐCĐ: Đại hội đồng cổ đông

HĐQT: Hội đồng quản trị

BKS: Ban Kiểm soát

TTYT: Trung tâm y tế

P.TCKT: Phòng Tài chính kế toán

P.KD: Phòng kinh doanh

P.QLCL: Phòng quản lý chất lượng

P.TCHC –LĐTL: Phòng Tổ chức hành
chính, Lao động tiền lương

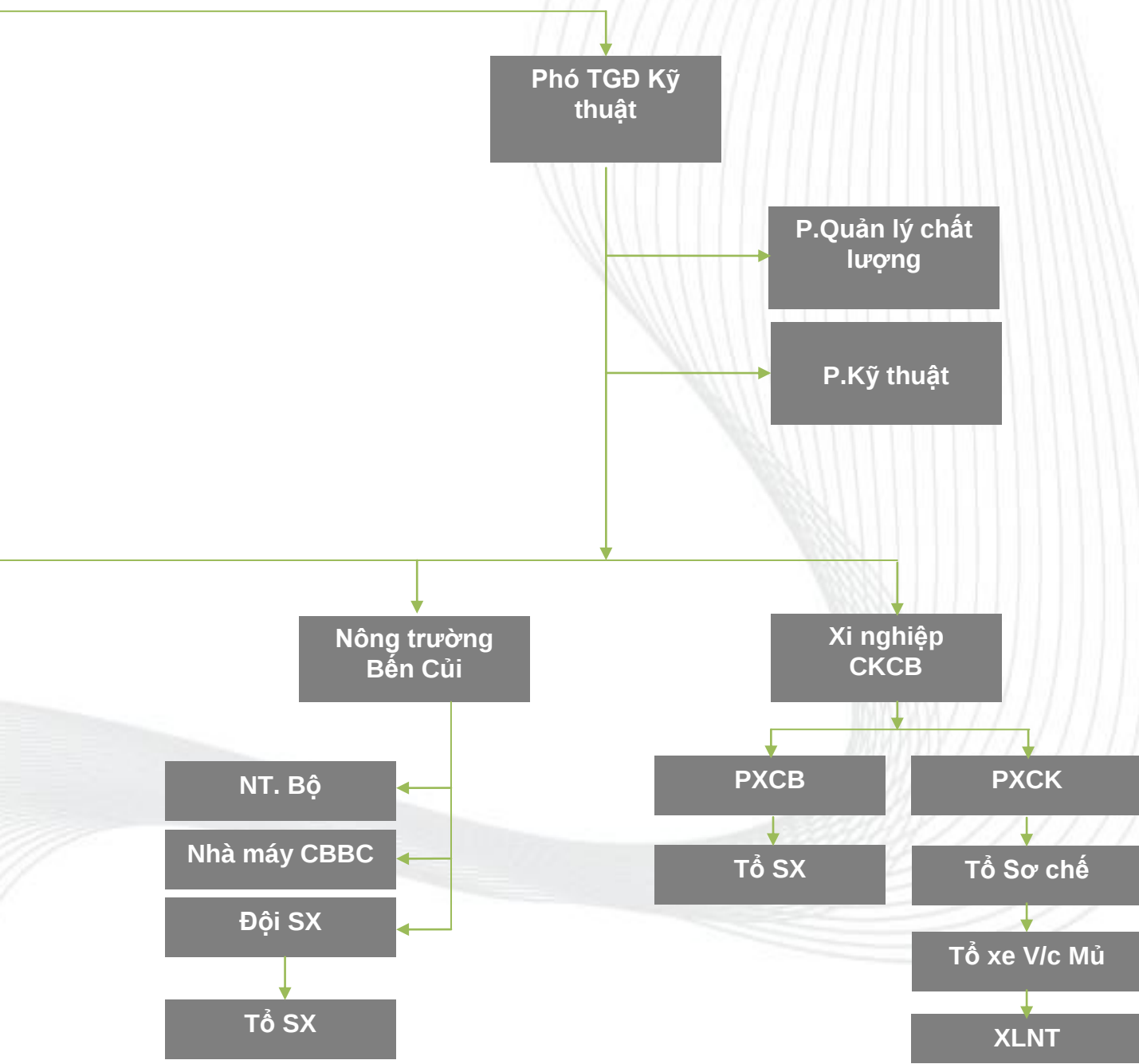
P.XDCB: Phòng xây dựng cơ bản

CKCB: Cơ khí chế biến

XLNT: Xử lý nước thải

NT: Nông trường

CBBC: Chế biến Bền Cùi





RỦI RO

Rủi ro về thị trường

Suy thoái kinh tế thế giới kéo dài. Lạm phát, giá cả ảnh hưởng tiêu cực đến chi phí sản xuất và đời sống người lao động. Một khi kinh tế tăng trưởng chậm sẽ ảnh hưởng đến nhu cầu của các sản phẩm của công ty, đặc biệt là mảng kinh doanh xuất khẩu.

Ngoài ra, những biến động về giá cả là yếu tố then chốt tác động đến hiệu quả kinh doanh của công ty. Hiện nay, nước ta vẫn phụ thuộc khá nhiều vào biến động giá cao su thế giới, mức độ chủ động về giá còn thấp. Kèm theo đó là khả năng dự báo giá vẫn còn hạn chế. Vì vậy, những biến động giá cao su trên thị trường sẽ là rủi ro không nhỏ đối với các doanh nghiệp cao su nói chung và CTCP Cao su Tây Ninh nói riêng.

Rủi ro về thuế xuất khẩu

Việc chịu thuế suất xuất khẩu sẽ làm ảnh hưởng đến giá thành xuất khẩu và khả năng lợi nhuận của công ty. Mới đây theo văn bản số 18053/BTC-CST, ngày 27 tháng 12 năm 2012 Bộ tài chính sẽ tiếp tục duy trì mức thuế suất xuất khẩu và cũng nêu rõ rằng, trong thời gian tới, nếu giá cao su thế giới có xu hướng giảm, ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp cao su, Bộ Tài chính sẽ xem xét phối hợp với các bộ ngành nghiên cứu, điều chỉnh mức thuế suất thuế xuất khẩu cao su cho phù hợp để tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp. Vì vậy, trong năm 2013, trước mắt các doanh nghiệp cao su sẽ vẫn phải chịu mức thuế suất xuất khẩu như trong năm 2012.

Rủi ro dịch bệnh, thời tiết

Cao su là cây lâu năm, năng suất cao hay thấp, cây tăng trưởng tốt hay không tốt phụ thuộc rất nhiều vào công tác chăm sóc và trồng trọt. Tuy nhiên một mối hiểm nguy cho vườn cây cao su đó là nạn dịch bệnh và thời tiết mưa bão hàng năm. Việc kiểm soát tốt dịch bệnh sẽ giúp bảo vệ vườn cây phát triển ổn định tạo năng suất khai thác cao, giúp nâng cao hiệu quả kinh doanh cho công ty.

Ngoài ra, về yếu tố thời tiết thì năm ngoài tầm kiểm soát của con người. Vì vậy, cần phải có những biện pháp phòng ngừa và đối phó kịp thời trước những diễn biến của thời tiết như: mưa, bão, lốc xoáy,... để làm sao hạn chế thấp nhất mức thiệt hại cho vườn cây khai thác. Để từ đó duy trì một vườn cây tốt và phát triển bền vững.



Rủi ro về tỷ giá

Là doanh nghiệp kinh doanh cao su, xuất khẩu chiếm khoảng 30-40% tổng doanh thu hàng năm của công ty vì vậy biến động tỷ giá VND so với các đồng ngoại tệ khác, đặc biệt là USD là yếu tố quan trọng tác động đến hiệu quả kinh doanh của công ty.

Ngoài ra, hiện nay công ty đang triển khai dự án trồng cao su tại Campuchia với quy mô lớn (7.600ha), mọi chi phí đều thanh toán bằng USD, vì vậy những biến động trong tỷ giá VND/USD cũng sẽ tác động đến chi phí hoạt động và đầu tư của công ty.

Rủi ro về lãi suất

Mặc dù so với các doanh nghiệp trong ngành thì tỷ lệ vay nợ của CTCP Cao su Tây Ninh tương đối thấp, đòn bẩy tài chính bình quân đạt mức 1,4 lần, tuy nhiên trong bối cảnh lãi suất ngân hàng chưa ổn định thì rủi ro này vẫn còn là một vấn đề đáng quan tâm. Vì vậy Công ty đã chủ động các phương án dự phòng để hạn chế thấp nhất rủi ro do biến động lãi suất. Đồng thời, công ty cũng tích cực tìm kiếm các nguồn vay với lãi suất ưu đãi, điều chỉnh cơ cấu vốn phù hợp.

Rủi ro dự án cao su tại Campuchia

Bất đồng ngôn ngữ cũng như sự am hiểu về luật định, phong tục tập quán, thói quen làm việc của người Campuchia.

Lực lượng công nhân lao động người Campuchia thì không ổn định, biến động liên tục, nhất là sau mỗi đợt phát lương, Lễ hội ...

Việc xác định ranh giới đất chưa giải quyết dứt điểm.

Thời tiết không thuận lợi, địa hình đồi dốc làm ảnh hưởng đến công tác khai hoang trồng mới.

Mục tiêu chung & Định hướng phát triển

- Phát triển ổn định, bền vững, định hướng phát triển lâu dài là ưu tiên hàng đầu.
- Ưu tiên hợp tác các dự án SX sản phẩm từ cao su, nhằm ngày càng hạn chế xuất bán cao su thô.
- Duy trì tình hình tài chính công khai, minh bạch, chính xác và đúng luật.
- Định hướng, đào tạo nhân sự mạnh, trung thành, năng động và hiệu quả phù hợp với văn hoá của Công ty CP Cao su Tây Ninh.
- Tối đa hoá lợi ích cho Cổ đông, kết hợp với việc chăm sóc quyền lợi chính đáng cho Công nhân lao động.
- Phát triển thêm diện tích trồng cao su kết hợp với tìm kiếm thị trường và công nghệ SX cao su tiêu dùng, hạn chế dần việc xuất cao su thô.
- Tìm kiếm thị trường tiềm năng mới kết hợp với việc nâng cao chất lượng sản phẩm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao cho khách hàng.
- Thực hiện trách nhiệm một cách nghiêm túc với luật pháp, xã hội, môi trường và Người lao động.

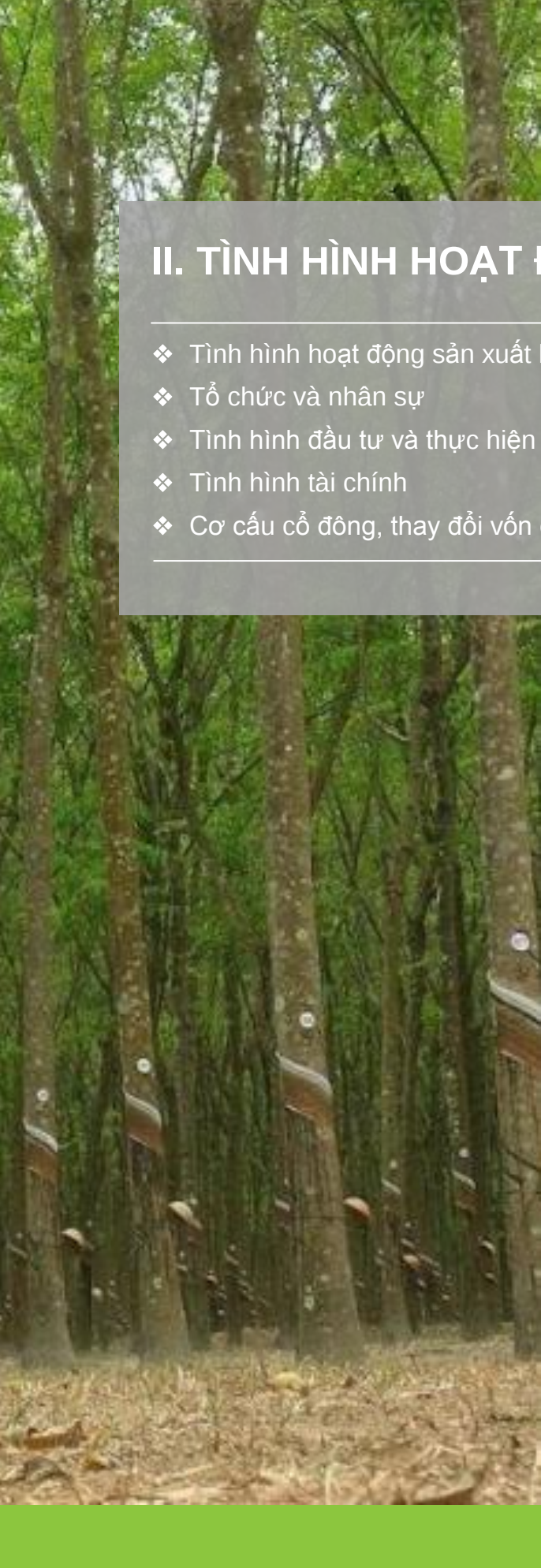


Chiến lược quản lý đảm bảo thực hiện hoàn thành chiến lược chung

- Đánh giá đúng và kích lệ nguồn nhân lực hiện có, bổ sung thay thế các vị trí chủ chốt năng động đủ trình độ và năng lực để hoàn thành các mục tiêu đã đề ra.
- Tiếp tục thay thế hoàn thiện máy móc thiết bị, đa dạng hoá sản phẩm, ổn định và ngày càng nâng cao mục tiêu chất lượng sản phẩm.
- Quản lý chặt giá thành, chi phí bán hàng, đưa các ứng dụng khoa học kỹ thuật vào khai thác tăng năng suất vườn cây, làm giảm giá thành và tăng tỉ suất lợi nhuận.
- Kết hợp tốt với Chính quyền địa phương chăm sóc người dân quanh vùng cao su và bảo vệ tốt cao su khai thác.
- Thực hiện nghĩa vụ nộp ngân sách, nghĩa vụ bảo vệ môi trường môi sinh và góp phần tạo công ăn việc làm cùng với Chính quyền địa phương.







II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- ❖ Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
 - ❖ Tổ chức và nhân sự
 - ❖ Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án
 - ❖ Tình hình tài chính
 - ❖ Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
-



Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Chỉ tiêu	Đvt	Năm 2011		Năm 2012		
			KH	TH	%/KH	%2012/2011
Diện tích khai thác	Ha	5.493	5.407	5.407	100%	98,4%
Sản lượng khai thác	Tấn	11.541	11.200	11.602	103,6%	100,5%
Năng suất khai thác	Tấn/ha	2,10	2,07	2,14	103,6%	102,1%
Sản lượng tiêu thụ	Tấn	12.920	15.468	13.879	89,7%	107,4%
Tổng doanh thu	Tr đồng	1.335.691	1.127.673	1.057.456	93,8%	79,2%
Lợi nhuận trước thuế	Tr đồng	568.058	354.640	389.933	110,0%	68,6%

Năm 2012 công ty đạt sản lượng khai thác 11.602 tấn vượt 3,6% so với kế hoạch cả năm. Năng suất khai thác vườn cây vượt kế hoạch 3,6%, đạt 2,14 tấn/ha. Sản lượng tiêu thụ đạt 89,7% kế hoạch nhưng vượt 7,4% so với năm 2011, đạt 13.879 tấn. Trong đó, so với kế hoạch cả năm, sản lượng xuất khẩu chỉ đạt 67,4% và sản lượng tiêu thụ nội địa vượt 5,3% kế hoạch, tương ứng vượt 26,3% so với năm 2011. Tuy nhiên vì giá bán bình quân giảm mạnh từ hơn 90,0 triệu đồng/tấn năm 2011 về mức 62,6 triệu đồng/tấn năm 2012 đã làm cho doanh thu giảm mạnh, đạt 1.057,46 tỷ đồng, đạt 93,8% kế hoạch năm và chỉ bằng 79,2% so với năm 2011.

Bên cạnh đó nhờ hoạt động thanh lý vườn cây giúp mang về doanh thu hơn 90,6 tỷ đồng và đóng góp thêm 78,7 tỷ đồng lợi nhuận khác cho công ty năm vừa qua. Kết thúc năm 2012, tổng LNTT đạt 389,9 tỷ đồng vượt 10% so với kế hoạch và tương đương 68,6% mức thực hiện năm 2011.

Tổ chức và Nhân sự

Danh sách Ban điều hành

STT	Tên thành viên	Chức vụ	Tư cách thành viên
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ			
01	Hứa Ngọc Hiệp	Chủ tịch HĐQT	Thành viên điều hành
02	Lê Văn Chành	Tv. HĐQT	Thành viên điều hành
03	Trương Văn Minh	Tv. HĐQT	Thành viên điều hành
04	Lê Bá Thọ	Tv. HĐQT	Thành viên điều hành
05	Nguyễn Thanh Liêm	Tv. HĐQT	Thành viên độc lập
BAN TỔNG GIÁM ĐỐC			
01	Lê Văn Chành	Tổng Giám đốc	Thành viên điều hành
02	Trương Văn Minh	Phó Tổng Giám đốc	Thành viên điều hành
03	Trần Văn Rạng	Phó Tổng Giám đốc	Thành viên điều hành
BAN KIỂM SOÁT			
01	Đỗ Thị Thanh Vân	Trưởng ban	
02	Nguyễn Hồng Thái	Thành viên	
03	Bùi Thanh Tâm	Thành viên	



Những thay đổi trong ban điều hành trong năm 2012

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Trần Văn Rạnh	Thành viên HĐQT		17/04/2012 (Từ nhiệm từ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012)
2	Nguyễn Thanh Liêm	Thành viên HĐQT	17/04/2012 (Bầu bổ sung từ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012)	
3	Nguyễn Văn Mết	Trưởng Ban kiểm soát		17/04/2012 (Từ nhiệm từ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012)
4	Nguyễn Văn Bắc	Thành viên Ban kiểm soát		17/04/2012 (Từ nhiệm từ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012)
5	Hồ Ngọc Tùng	Thành viên Ban kiểm soát		17/04/2012 (Từ nhiệm từ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012)
6	Đỗ Thị Thanh Vân	Trưởng Ban kiểm soát	17/04/2012 (Bầu mới từ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012)	
7	Nguyễn Hồng Thái	Thành viên Ban kiểm soát	17/04/2012 (Bầu mới từ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012)	
8	Bùi Thanh Tâm	Thành viên Ban kiểm soát	17/04/2012 (Bầu mới từ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012)	
9	Vương Thị Rang	Kế toán trưởng		01/06/2012(Nghỉ hưu theo chế độ)
10	Trần Ngọc Ẩn	Kế toán trưởng	01/06/2012 (Kế toán trưởng được bầu mới)	

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông Hứa Ngọc Hiệp
Chủ tịch HĐQT



Ông Lê Văn Chành
Tv. HĐQT kiêm TGD



Ông Lê Bá Thọ
Tv. HĐQT kiêm Trưởng phòng KD



Ông Trương Văn Minh
Tv. HĐQT kiêm P.TGD Nhân sự và Đầu tư



Ông Nguyễn Thanh Liêm
Tv. HĐQT độc lập



1. Ông: HỨA NGỌC HIỆP

Chủ tịch HĐQT

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư nông nghiệp ngành trồng trọt

Năm sinh : 1958

CMND : 020109521

Quốc tịch : Việt Nam

Địa chỉ thường trú : 373/1 Nguyễn Đình Chiểu, P5, Q3, Tp.HCM

Quá trình công tác :

Từ năm 1986-1990: Thư ký riêng Tổng Cục trưởng Tổng Cục Cao su

Từ năm 1990-1993: Thư ký riêng Phó TGD thường trực và thư ký TGD Tổng Công ty Cao su Việt Nam

Từ năm 1993-1996: Phó VP - Tổng Công ty Cao su Việt Nam

Từ năm 1996-2001: Chánh VP - Tổng Công ty Cao Su Việt Nam

Từ năm 2001-2007: Trưởng Ban tổ chức Cán bộ - Tổng Công ty Cao su Việt Nam

Từ năm 2007-2011: Trưởng Ban tổ chức Cán bộ - Tập đoàn CN Cao su Việt Nam

Tv.HĐQT CTCP Cao su Tây Ninh

Từ 2011 đến nay : Chủ tịch HĐQT CTCP Cao su Tây Ninh

Trưởng ban tổ chức Cán bộ - Tập đoàn CN Cao su Việt Nam

Cổ phiếu nắm giữ : Cá nhân sở hữu 0 CP - Tỷ lệ: 0%
Đại diện vốn nhà nước: 10.500.000 CP - Tỷ lệ: 35%

Họ tên người liên quan : Không có



2. Ông: LÊ VĂN THÀNH

Tv.HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế

Năm sinh : 1963

CMND : 290288403

Quốc tịch : Việt Nam

Địa chỉ thường trú : Xã Hiệp Thạnh, Huyện Gò Dầu, Tỉnh Tây Ninh

Quá trình công tác :

Từ năm 1980-1992: Cán bộ phòng Tổ chức Lao động Cty Cao su Tây Ninh

Từ năm 1992-1993: Phó phòng Tổ chức Lao động Cty Cao su Tây Ninh

Từ năm 1993-1999: Trưởng phòng Tổ chức Hành chính Cty Cao su Tây Ninh

Từ năm 1999-2006: Phó TGD CTCP Cao Su Tây Ninh

Từ 2011 đến nay : Tv. HĐQT kiêm Tổng Giám đốc CTCP Cao su Tây Ninh

Cổ phiếu nắm giữ : Cá nhân sở hữu 2.600 CP - Tỷ lệ: 0,0087%
Đại diện vốn nhà nước: 4.500.000 CP - Tỷ lệ: 15%

Họ tên người liên quan : Không có



3. Ông: TRƯƠNG VĂN MINH

Tv.HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư nông nghiệp

Năm sinh : 1962

CMND : 290885802

Quốc tịch : Việt Nam

Địa chỉ thường trú : Xã Hiệp Thạnh, Huyện Gò Dầu, Tỉnh Tây Ninh

Quá trình công tác :

Từ năm 1985-1999: Công tác tại Cty Cao su Tây Ninh

Từ năm 1999-2001: Học Đại học Chính trị

Từ năm 2001-2003: Giám đốc Nông trường Cầu Khởi Cty Cao su Tây Ninh

Từ năm 2003-2007: Giám đốc Nông trường Bến Củi Cty Cao su Tây Ninh

Từ năm 2007-2010: Phó TGD CTCP Cao Su Tây Ninh

Từ 2010 đến nay : Tv. HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc CTCP Cao su Tây Ninh

Cổ phiếu nắm giữ : Cá nhân sở hữu 2.100 CP - Tỷ lệ: 0,007%
Đại diện vốn nhà nước: 3.000.000 CP - Tỷ lệ: 10%

Họ tên người liên quan : Không có



4. Ông: LÊ BÁ THỌ

Tv.HĐQT kiêm Trưởng phòng kinh doanh

Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ kinh tế ngành QTKD

Năm sinh : 1961

CMND : 290435349

Quốc tịch : Việt Nam

Địa chỉ thường trú : Xã Hiệp Thạnh, Huyện Gò Dầu, Tỉnh Tây Ninh

Quá trình công tác :

Từ năm 1984-1989: Phó phòng Kế hoạch Cty Cao su Tây Ninh

Từ năm 1989-2008: Trưởng phòng KD CTCP Cao su Tây Ninh

Từ năm 2008-đến nay: Tv.HĐQT, Trưởng phòng KD CTCP Cao su Tây Ninh

Cổ phiếu nắm giữ : Cá nhân sở hữu 23.200 CP - Tỷ lệ: 0,077%
Đại diện vốn nhà nước: 0 CP - Tỷ lệ: 0%

Họ tên người liên quan : Ngô Thị Phượng – Vợ
Số CP nắm giữ: 20.240 CP - Tỷ lệ: 0,067%



5. Ông: NGUYỄN THANH LIÊM

Tv.HĐQT độc lập

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư nông nghiệp ngành trồng trọt

Cử nhân kinh tế ngành QTKD

Năm sinh : 1958

CMND : 290020144

Quốc tịch : Việt Nam

Địa chỉ thường trú : Xã Bến Củi, Huyện Dương Minh Châu, Tỉnh Tây Ninh

Quá trình công tác :

Từ năm 1979-1990: Công tác tại Nông trường Bến Củi Cty Cao su Tây Ninh

Từ năm 2005-2007: Phó GD Nông trường Gò Dầu

Từ năm 2007-2012: Phó GD Nông trường Bến Củi

Từ 2012 đến nay : Tv.HĐQT kiêm Chủ tịch Công đoàn CTCP Cao su Tây Ninh

Cổ phiếu nắm giữ : Cá nhân sở hữu 2.700 CP - Tỷ lệ: 0,009%
Đại diện vốn nhà nước: 0 CP - Tỷ lệ: 0%

Họ tên người liên quan : Không có

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



Ông Lê Văn Chành
Tổng Giám đốc



Ông Trương Văn Minh
Phó Tổng Giám đốc

Sơ yếu lý lịch tương tự phần HĐQT



Ông Trần Văn Rạnh
Phó Tổng Giám đốc

Ông: TRẦN VĂN RẠNH

Phó Tổng Giám đốc

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư nông nghiệp

Năm sinh : 1953

CMND : 290882407

Quốc tịch : Việt Nam

Địa chỉ thường trú : Xã Hiệp Thạnh, Huyện Gò Dầu, Tỉnh Tây Ninh

Quá trình công tác :

Từ năm 1978-1982: Giáo viên trường TH.KTNN Bảo Lộc Lâm Đồng

Từ năm 1982-1984: Cán bộ phòng KT Cty Cao su Tây Ninh

Từ năm 1984-1987: Phó GD Nông Trường Bến Củi Cty Cao su Tây Ninh

Từ năm 1987-1993: Giám đốc Nông Trường Bến Củi Cty Cao su Tây Ninh

Từ 1993-đến nay: Phó TGD CTCP Cao su Tây Ninh

Cổ phiếu nắm giữ : Cá nhân sở hữu 2.800 CP - Tỷ lệ: 0,009%
Đại diện vốn nhà nước: 0 CP - Tỷ lệ: 0%

Họ tên người liên quan : Không có

BAN KIỂM SOÁT



Ông Đỗ Thị Thanh Vân
Trưởng Ban kiểm soát



Ông Nguyễn Hồng Thái
Tv. Ban kiểm soát



Ông Bùi Thanh Tâm
Tv. Ban kiểm soát



1. Ông: ĐỖ THỊ THANH VÂN

Trưởng Ban kiểm soát

Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế- Tài chính DN
Năm sinh : 1967
CMND : 290382468
Quốc tịch : Việt Nam
Địa chỉ thường trú : Xã Hiệp Thạnh, Huyện Gò Dầu, Tỉnh Tây Ninh
Quá trình công tác :

Từ năm 1988-2012: Nhân viên phòng Tài chính Kế toán Cty Cao su Tây Ninh
Từ 04/2012-đến nay: Trưởng Ban kiểm soát CTCP Cao su Tây Ninh

Cổ phiếu nắm giữ : Cá nhân sở hữu 1.300 CP - Tỷ lệ: 0,004%
Đại diện vốn nhà nước: 0 CP - Tỷ lệ: 0%

Họ tên người liên quan : Không có



2. Ông: NGUYỄN HỒNG THÁI

Tv.Ban kiểm soát

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Nông nghiệp
Năm sinh : 1968
CMND : 290998898
Quốc tịch : Việt Nam
Địa chỉ thường trú : Xã Thạnh Đức, Huyện Gò Dầu, Tỉnh Tây Ninh
Quá trình công tác :

Từ năm 1989-2009: Công tác tại Nông trường Gò Dầu, Cty Cao su Tây Ninh

Từ năm 2010-2011: Phó Giám đốc Nông trường Gò Dầu

Từ năm 2011-04/2012: Phó phòng Kỹ thuật CTCP Cao su Tây Ninh

Từ 04/2012-đến nay: Tv.Ban KS kiểm Phó phòng kỹ thuật CTCP Cao su Tây Ninh

Cổ phiếu nắm giữ : Cá nhân sở hữu 0 CP - Tỷ lệ: 0%
Đại diện vốn nhà nước: 0 CP - Tỷ lệ: 0%

Họ tên người liên quan : Không có



3. Ông: BÙI THANH TÂM

Tv.Ban kiểm soát

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Tài chính-Kế toán viên
Năm sinh : 1975
CMND : 022974093
Quốc tịch : Việt Nam
Địa chỉ thường trú : 8/28a Nguyễn Thiện Thuật, Tp.HCM
Quá trình công tác :

Từ năm 1998-1999: Nhân viên phòng Tài chính kế toán CTCP Xây lắp III

Từ năm 1999-2006: Nhân viên phòng Tài chính kế toán CTCP CN và XNK Cao su

Từ năm 2006-đến nay: Chuyên viên Ban Tài chính kế toán Tập đoàn CN Cao su VN
Tv.Ban Kiểm soát CTCP Cao su Tây Ninh

Cổ phiếu nắm giữ : Cá nhân sở hữu 0 CP - Tỷ lệ: 0%
Đại diện vốn nhà nước: 0 CP - Tỷ lệ: 0%

Họ tên người liên quan : Không có

Thống kê lao động

Chỉ tiêu	SL (người)
Theo tính chất hợp đồng lao động	
HD có xác định thời hạn	91
HD không xác định thời hạn	2.523
HD theo thời vụ (công nhật)	156
Tổng cộng	2.770

Biến động Lao động trong năm:

Lao động có mặt đầu kỳ:	2.791 người
Tăng trong kỳ:	35 người
Giảm:	112 người
Lao động có mặt cuối kỳ:	2.714 người

Tổ chức cán bộ:

- Nâng bậc lương:	224 người
- Bồi dưỡng nghiệp vụ ngắn hạn:	65 người
- Bổ nhiệm và đề bạt:	12 người
- Điều động:	38 người

- Khen thưởng: Hội Đồng Thi đua Khen thưởng công ty đã khen thưởng cho 92 tập thể và 184 cá nhân trong các phong trào thi đua lao động sản xuất với tổng số tiền là 1.344.689.000 đồng.
- Xử lý vi phạm kỷ luật: không có trường hợp nào vi phạm.

Giải quyết chế độ chính sách:

- Nghỉ việc trợ cấp 1 lần : 40 trường hợp (tổng kinh phí Công ty chi trả 506.465.150 đồng).
- Giải quyết hưu trí: 55 người.



Chính sách lao động

- Thu nhập bình quân CB-CNV trong năm 2012 thực hiện 9.303.581 đồng/người/tháng, so với năm 2011 giảm 35,4%.
- Tiền lương, thưởng được cấp phát kịp thời, đúng và đầy đủ.
- Trang cấp đầy đủ các chế độ về bảo hộ lao động cho công nhân với tổng kinh phí được sử dụng là 2,5 tỷ đồng.
- Thực hiện chế độ bồi dưỡng độc hại bằng hiện vật đầy đủ theo chế độ Nhà Nước quy định với tổng kinh phí sử dụng 8,35 tỷ đồng.
- Thực hiện chế độ ăn giữa ca cho Công nhân với mức 21.000 đồng/người/ngày, ước chi: 14,75 tỷ đồng
- Tổ chức thăm tặng quà cho 65 gia đình liệt sĩ, công nhân bị tai nạn, cán bộ lão thành với số tiền: 80 triệu đồng.
- Tổ chức thăm, tặng quà cho 33 cháu tàn tật, mồ côi có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn nhân tháng hành động vì trẻ em với số tiền : 33 triệu đồng.
- Khen thưởng cho học sinh giỏi con em CB-CNV: 100 triệu đồng.
- Tổ chức lễ hội cho con em CB-CNV trong ngày quốc tế thiếu nhi 1/6 và tết Trung thu: 160 triệu đồng.
- Vận động CB.CNVC đóng góp ủng hộ công tác xã hội số tiền: 536 triệu đồng.
- Công tác chăm lo sức khỏe cho Công Nhân :
 - Trung tâm Y tế thực hiện trong năm 2012: khám bệnh 23.042 lượt; điều trị nội trú 1.584 ca, ngoại trú 19.858 ca, xét nghiệm 4.960 người.
- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho CB.CNV toàn Công ty với tổng số 2.558/2.627 người đạt 97,37%. Trong đó, số người đạt sức khỏe loại I là 366 người, đạt tỷ lệ 13,64%; loại II: 609 người – 23,81%; loại III: 1.421 người – 55,55%; loại IV: 159 người – 6,22% và loại V: 03 người đạt tỷ lệ 0,12%.



- Chủ động trong công tác phòng dịch, phòng sốt rét và sốt xuất huyết, những biến động về dịch cúm gia cầm được quán triệt sâu rộng đến từng CB-CNV. Chăm lo tốt sức khỏe bà mẹ trẻ em và đảm bảo công tác KHH gia đình. Mạng lưới BHYT được triển khai đều khắp trong toàn công ty.

Tình hình đầu tư công ty con, liên kết và đầu tư dự án

ĐƠN VỊ	ĐVT	Đầu tư trong năm	Lũy kế đến 31/12/2012	% năm giữ hiện tại
I/-ĐẦU TƯ VÀO CTY LIÊN KẾT	Tr đồng	14.000	25.500	
CTCP Chế biến XNK Gỗ Tây Ninh	"	14.000	24.500	49,0%
CTCP An Thịnh - Việt Lào	"		1.000	10,0%
II/-ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC	Tr đồng	12.430	146.849	
CTCP Cao su Việt Lào		17.500	77.500	10,0%
CTCP TMDV & Du lịch Cao su	"		10.000	2,1%
Cty TNHHXDKD CSHT Geruco			26.815	10,0%
CTCP PT Đô thị & KCN Geruco	"		19.700	4,3%
CTCP Đầu tư PT Cao su Nghệ An	"	-12.000		0%
CTCP Cao su Dầu Tiếng-Lào Cai	"	6.930	12.834	21,39%
TỔNG CỘNG	Tr đồng	26.430	172.349	

Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con, công ty liên kết

Công ty con: Không có

Công ty liên kết:

Tên công ty	Mối quan hệ	Vốn góp hiện tại	Tỷ lệ % đã góp
CTCP Chế biến XNK Gỗ Tây Ninh	Cty liên kết	24.500	49%
CTCP An Thịnh Việt Lào (*)	Cty liên kết	1.000	10%

CTCP Chế biến XNK Gỗ Tây Ninh

Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất và kinh doanh hàng mộc gia dụng, hàng trang trí nội thất bằng gỗ. Khai thác chế biến và kinh doanh gỗ.

Tổng vốn điều lệ: 50 tỷ đồng, Cty CP Cao su Tây Ninh tham gia 49% vốn điều lệ tương đương 24,5 tỷ đồng. Công ty đã góp 100%. Dự án đã đầu tư thi công hoàn chỉnh nhà máy và đưa vào hoạt động từ quý IV/2009 đến nay.

Lợi nhuận năm 2010: 10.205.683.408 đ

Lợi nhuận năm 2011: 6.959.884.602 đ

Lợi nhuận năm 2012: 8.423.646.979 đ

(*) CTCP An Thịnh Việt Lào

Ngành nghề kinh doanh: Trồng, chế biến và kinh doanh nông sản

Vốn điều lệ: 50.000.000.000 đồng

Kế hoạch góp vốn 10 tỷ đồng tương đương: 20%. Đến thời điểm 31/12/2012 Công ty đã góp vốn 1 tỷ đồng đạt 10%. Công ty dự kiến thoái vốn.

Dự án đang trong giai đoạn đầu tư.

Chi tiết các khoản đầu tư dài hạn hiện tại

Công ty TNHH Cổ Phần Cao su Việt Lào:

Mục đích đầu tư: Trồng cao su.

Tổng vốn điều lệ 775 tỷ đồng, Cty CP Cao su Tây Ninh đã góp 10% VDL, tương đương 77,5 tỷ đồng. Diện tích trồng: 10.000 ha, bắt đầu trồng từ năm 2005. Dự án đã đưa vào khai thác từ tháng 5/2011: 2.500 ha, hiện nay Cty CP Cao su Việt Lào đã xây dựng nhà máy chế biến mủ cao su sơ chế với công suất 15.000 tấn/năm.

Công ty CP TMDV và Du Lịch Cao Su:

Mục đích đầu tư: Khách sạn, thương mại, dịch vụ với quy mô 25 tầng.

Tổng mức vốn đầu tư 745 tỷ đồng và vốn điều lệ 481,250 tỷ đồng do Tập đoàn và các đơn vị thành viên góp vốn. Trong đó, Cty CP Cao su Tây Ninh đã góp vốn 10 tỷ đồng, dự án này đã hoàn thành và đưa vào hoạt động ngày 25/10/2010.

Cổ tức được chia tính đến ngày 31/12/2012: 128.456.045 đ

Công ty TNHH XDKDCSHT Cao su Việt Nam:

Mục đích đầu tư: Xây dựng và kinh doanh đường bê tông nhựa BOT tại Bình Dương.

Tổng vốn điều lệ 268,507 tỷ đồng, Công ty CP Cao su Tây Ninh đã góp vốn 10% tương đương 26,815 tỷ đồng. Dự án này đã đưa vào hoạt động.

Đã thực nhận cổ tức đến 31/12/2012 là: 2.165.633.000 đ

Cty CP PT Đô Thị và Khu CN Cao su Việt Nam:

Mục đích đầu tư: Xây dựng Khu công nghiệp tại Hải Dương.

Tổng vốn điều lệ 450 tỷ đồng, Công ty CP Cao su Tây Ninh đã góp vốn 4% tương đương 19,700 tỷ đồng.

Cổ tức được chia tính đến ngày 31/12/2012: 966.539.092 đ

Dự án đang trong quá trình đầu tư, chưa đưa vào hoạt động.

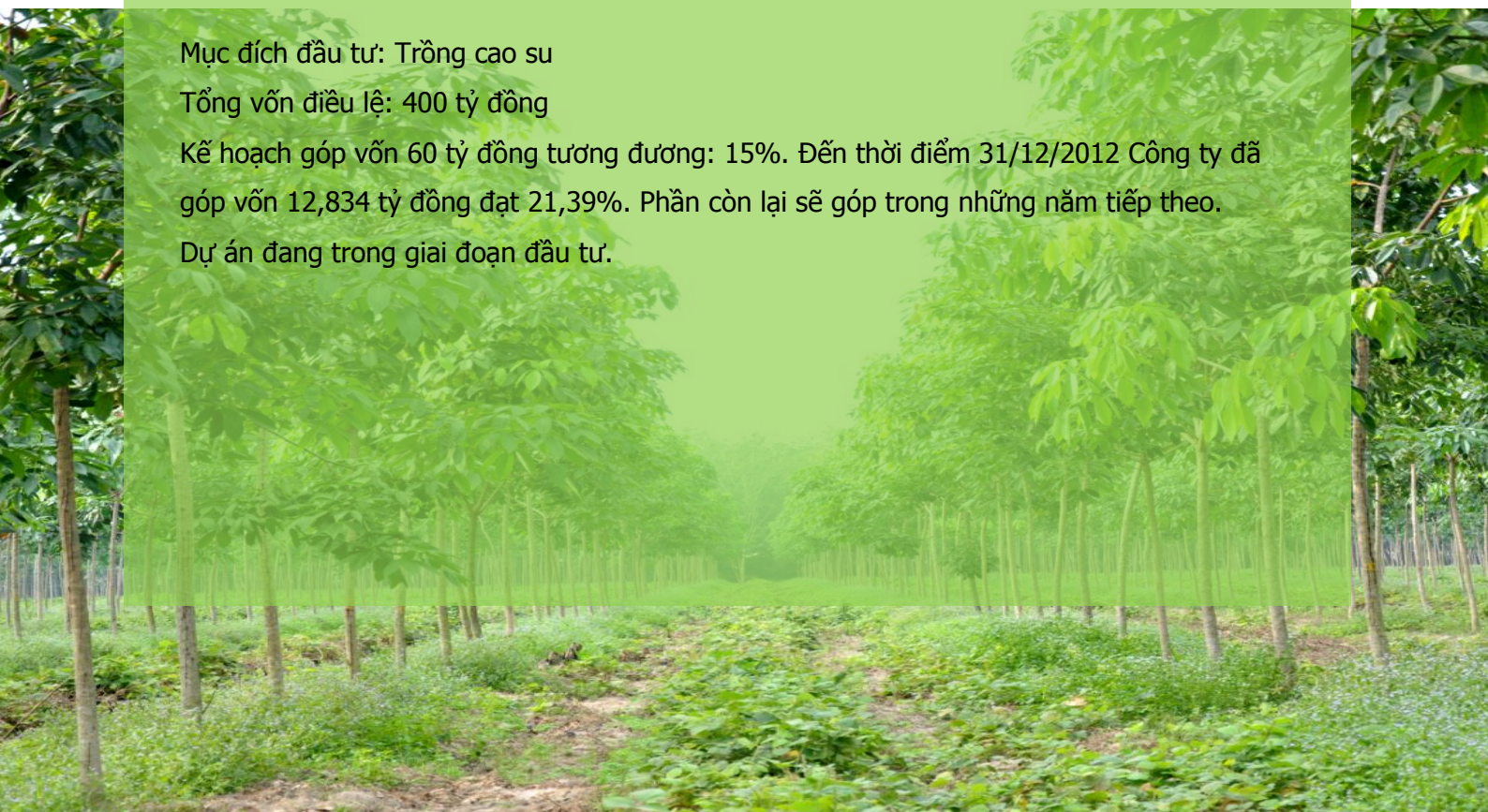
Công ty CP Cao su Dầu Tiếng – Lào Cai:

Mục đích đầu tư: Trồng cao su

Tổng vốn điều lệ: 400 tỷ đồng

Kế hoạch góp vốn 60 tỷ đồng tương đương: 15%. Đến thời điểm 31/12/2012 Công ty đã góp vốn 12,834 tỷ đồng đạt 21,39%. Phần còn lại sẽ góp trong những năm tiếp theo.

Dự án đang trong giai đoạn đầu tư.



Tình hình phát triển dự án Campuchia

Qua một năm triển khai thực hiện dự án, mặc dù với nhiều khó khăn và trở ngại ban đầu, trong điều kiện sống và môi trường làm việc còn thiếu thốn về nhiều mặt. Tuy nhiên, đơn vị đã đoàn kết, cố gắng vượt qua trở ngại, về cơ bản đã thực hiện được một số chỉ tiêu trong năm 2012.

a/ Khó khăn:

- Chưa có giấy phép đầu tư, nên gặp không ít trở ngại trong việc chuyển giao nguồn vốn đầu tư, mua máy móc trang thiết bị, phân bón, vật tư trực tiếp từ Việt Nam chuyển sang.
- Bất đồng ngôn ngữ cũng như sự am hiểu về luật định, phong tục tập quán, thói quen làm việc của người CPC cũng là một trở ngại lớn trong đàm phán và thiết lập các mối quan hệ với chính quyền địa phương.
- Lực lượng công nhân lao động người CPC thì không ổn định, biến động liên tục, nhất là sau mỗi đợt phát lương, Lễ hội ...
- Việc xác định ranh đất chưa giải quyết dứt điểm.
- Thời tiết không thuận lợi, địa hình đồi dốc làm ảnh hưởng đến công tác khai hoang trồng mới.

b/ Thuận lợi:

- Được sự quan tâm hỗ trợ tích cực về mọi mặt từ phía Công ty Mẹ và văn phòng đại diện của Tập Đoàn tại Campuchia
- Tinh thần đoàn kết của toàn thể CB-CNV cùng nhau vượt qua những khó khăn thử thách để hoàn thành kế hoạch được giao.

c/ Kết quả thực hiện:

- Do tiến độ khai hoang bàn giao đất chậm nên công tác trồng mới trong năm 2012 chỉ thực hiện 473 ha, so với kế hoạch là 500 ha chỉ đạt tỷ lệ 94,60%. Với tỷ lệ cây sống đạt 98,4%, cây 3 tầng lá đạt 85%.
- Công ty đã đầu tư trên 192.000 USD để bón phân cho vườn cây đúng theo định mức quy định của Tập đoàn.
- Đã triển khai thực hiện trồng mới 07 ha vườn ươm bầu, vườn nhân 05 ha.
- Thực hiện vốn đầu tư XDCB đạt mức 98,519 tỷ đồng đạt 38,2% kế hoạch năm.

Tình hình tài chính

Tình hình tài chính

Chỉ tiêu (tỷ đồng)	Năm 2012	Năm 2011	% Tăng/Giảm
Tổng tài sản	1.484,8	1.471,3	0,9%
Vốn CSH	1.308,9	1.127,1	16%
Doanh thu thuần	907,7	1.195,3	-24%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	311,2	513,2	-39%
Lợi nhuận trước thuế	389,9	568,1	-31%
Lợi nhuận sau thuế	348,3	515,1	-32%
EPS (đồng)	11.839	17.401	-32%

Kết thúc năm 2012, tổng tài sản của TRC tăng 0,9% chủ yếu là công ty gia tăng đầu tư dài hạn.

Vốn CSH tăng 16% bắt nguồn từ Quỹ đầu tư phát triển tăng từ 407 lên 687 tỷ đồng.

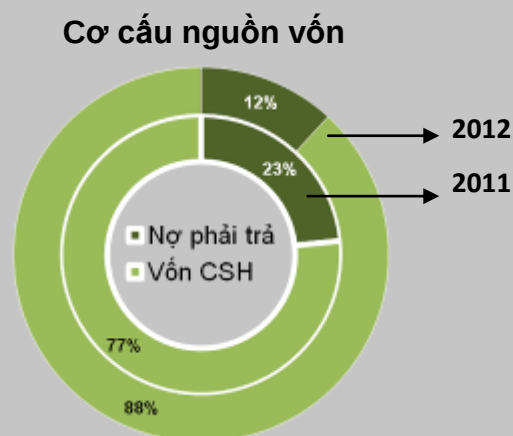
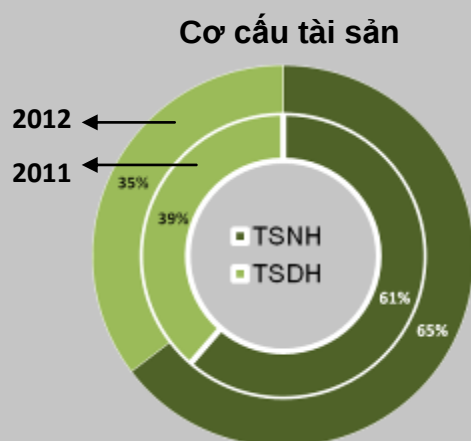
Doanh thu thuần giảm 24% do giá bán cao su bình quân đạt 62 triệu đồng/tấn, giảm 31% so với mức giá năm 2011 là 90 triệu đồng/tấn.

Theo đó LNTT giảm 31%, EPS giảm từ 17.401 đồng xuống mức 11.839 đồng.



Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

STT	Chỉ tiêu	Đvt	Năm 2012	Năm 2011
1	Cơ cấu tài sản			
	- Tài sản dài hạn/Tổng Tài sản	%	35,36	38,67
	- Tài sản ngắn hạn /Tổng tài sản	%	64,64	61,33
2	Cơ cấu nguồn vốn			
	- Nợ/Tổng tài sản	%	11,84	23,39
	- Nợ/Vốn CSH	%	13,43	30,54
3	Khả năng thanh toán			
	- Khả năng thanh toán nhanh	lần	5,17	2,36
	- Khả năng thanh toán hiện hành	lần	5,62	2,74
4	Năng lực hoạt động			
	-Vòng quay HTK	Vòng	6,06	6,65
	-Vòng quay Tài sản	Vòng	0,62	0,95
5	Tỷ suất lợi nhuận (TSLN)			
	- TSLN sau thuế/Doanh thu	%	38,56	32,94
	- ROA	%	23,57	40,78
	- ROE	%	28,60	54,38
6	Cổ tức, EPS			
	-EPS	Đồng/CP	11.839	17.401
	-Cổ tức		30%	35%



Cơ cấu tài sản

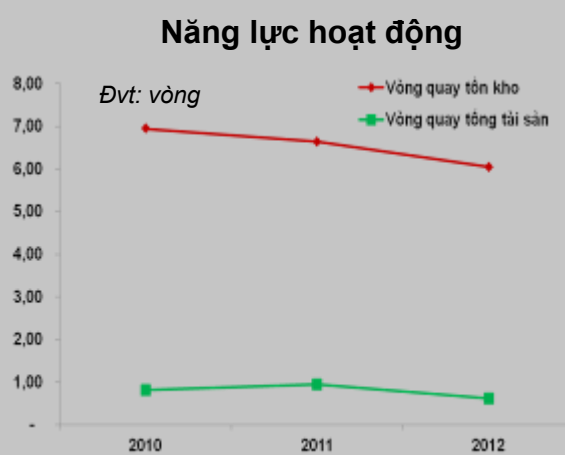
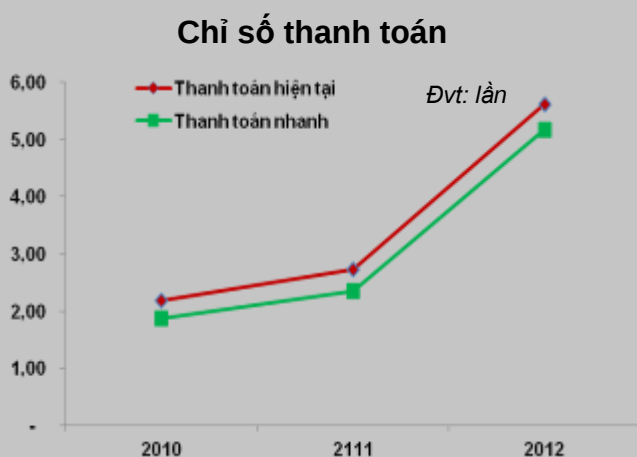
Trong cơ cấu tài sản của TRC, tỷ trọng tài sản dài hạn đang giảm dần trong các năm qua từ mức 45% năm 2010 về mức 39% năm 2011 và 35% năm 2012. Nguyên nhân là do các năm qua công ty chưa đầu tư mở rộng tài sản cố định (vườn cây cao su) mà chủ yếu khai thác trên vườn cây hiện tại dẫn đến khấu hao lũy kế gia tăng làm giảm giá trị của vườn cây. Bên cạnh đó, đối với tài sản ngắn hạn công ty gia tăng các khoản phải thu khách hàng nhằm duy trì doanh số bán hàng trước tình hình tiêu thụ chậm cũng như cạnh tranh của thị trường. Ngoài ra, công ty cũng gia tăng trữ hàng tồn kho cho những thời điểm rụng lá cao su làm cho hàng tồn kho tăng qua các năm. Tỷ trọng hàng tồn kho trong tổng tài sản duy trì trong khoảng 5-9%. Trong 3 năm qua (2010-2012) tốc độ tăng trưởng bình quân của tài sản ngắn hạn đạt 29%/năm và tài sản dài hạn chỉ đạt 5%/năm.

Cơ cấu nguồn vốn

CTCP Cao su Tây Ninh (TRC) thuộc nhóm các công ty ít vay nợ trong các công ty cao su thiên nhiên niêm yết. Đòn bẩy tài chính thường duy trì ở mức 1,4 lần. Tỷ trọng nợ/tổng tài sản bình quân ở mức 24-25%; tỷ trọng nợ/vốn CSH bình quân ở mức 32%. Tuy nhiên hai chỉ số này đã được giảm mạnh trong năm 2012 vừa qua. Nhờ vào nguồn lợi nhuận cao từ năm 2011 (hơn 515 tỷ đồng), sang năm 2012 công ty đã giảm mạnh vay nợ, thay vào đó sử dụng nguồn lợi nhuận để lại để tái đầu tư cho năm 2012. Trong cơ cấu vay nợ, hầu như công ty không vay ngắn hạn mà chỉ tập trung vay dài hạn để đầu tư mở rộng vườn cây cao su. Tuy nhiên trong 3 năm qua nhờ lợi nhuận tích lũy cao giúp công ty giảm dần nợ dài hạn từ 14 tỷ đồng năm 2011 xuống chỉ còn 4,9 tỷ đồng năm 2012. Giảm bớt áp lực chi phí tài chính gia tăng hiệu quả kinh doanh cho công ty.

Khả năng thanh toán

Nhờ vào lợi nhuận tăng trưởng tốt qua các năm đã giúp công ty giảm bớt nợ vay, cải thiện các chỉ số thanh toán. Trong đó, kết thúc năm 2012 chỉ số thanh toán hiện hành đạt 5,6 lần và thanh toán nhanh đạt 5,17 lần. TRC là doanh nghiệp có chỉ số thanh toán tốt và an toàn thuộc nhóm dẫn đầu trong các doanh nghiệp cao su thiên nhiên niêm yết hiện nay.



Năng lực hoạt động

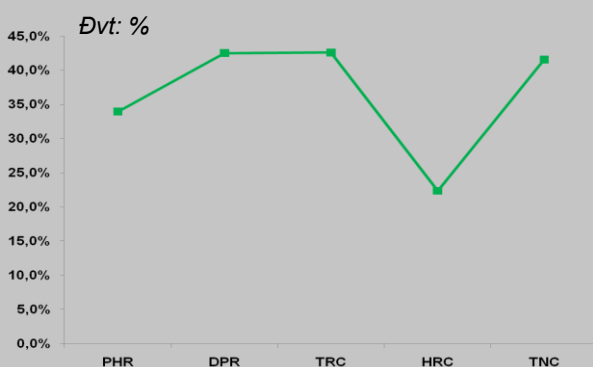
Trong năm qua, trước tình hình chung của thị trường do giá cao su giảm làm cho doanh thu của TRC cũng như các công ty trong ngành giảm mạnh. Doanh thu năm 2012 của TRC giảm gần 24% so với năm 2011, đạt 915,5 tỷ đồng. Trong khi đó tổng tài sản tăng 0,9%, làm cho vòng quay tổng tài sản giảm từ 0,95 vòng xuống mức 0,62 vòng.

Trong năm qua do giá bán giảm, công ty đã tiết giảm thành phẩm tồn kho nhưng do hàng tồn kho đầu năm khá cao (125 tỷ đồng) dẫn đến hàng tồn kho bình quân 2011-2012 tăng 4% so với giai đoạn 2010-2011, trong khi đó GVHB tương ứng về giá trị tuyệt đối giảm 13% so với năm 2011 (tuy nhiên tỷ trọng GVHB/doanh thu tăng từ 58 lên 67%), chính điều này làm cho vòng quay tồn kho của công ty giảm từ 6,65 vòng xuống còn 6,06 vòng trong năm 2012.

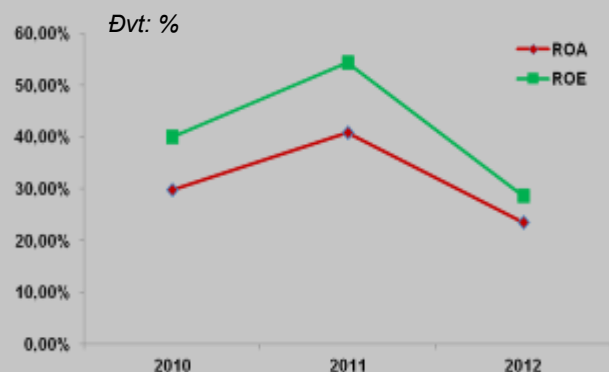
Tỷ suất lợi nhuận

Do doanh thu giảm 23% và lợi nhuận sau thuế giảm mạnh 32% so với năm 2011 đã làm cho chỉ số ROA và ROE của công ty giảm tương ứng từ 40,78% xuống 23,57% và 54,38% xuống còn 28,60% trong năm 2012. Nguyên nhân chính vẫn xuất phát từ việc giá bán cao su giảm mạnh, về các khoản chi phí hoạt động kinh doanh công ty vẫn quản lý tốt và không có bất kỳ khoản phát sinh đột biến nào trong năm qua. Việc giảm tỷ suất lợi nhuận là tình hình chung của các doanh nghiệp cao su thiên nhiên trong năm qua. So với các doanh nghiệp trong ngành TRC cùng với DPR (CTCP Cao su Đồng Phú) là hai doanh nghiệp đang có mức tỷ suất LNTT/Doanh thu cao nhất hiện nay. Hiện TRC là doanh nghiệp đạt chỉ số ROE và ROA đứng thứ 2 trong tổng số 5 doanh nghiệp cao su thiên nhiên hiện đang niêm yết.

Tỷ số LNTT/Doanh thu



ROA-ROE



Thông tin cổ phiếu & cổ đông TRC

Vốn điều lệ: 300.000.000.000 đồng

Mã chứng khoán: TRC

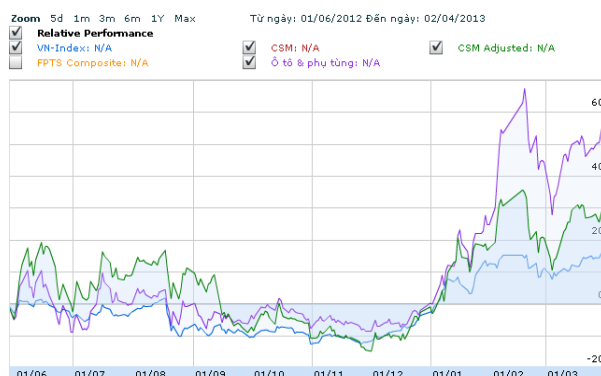
Tổng số CP: 30.000.000 CP

Số lượng CP đang lưu hành: 29.125.000 CP

Số lượng CP bị hạn chế chuyển nhượng: không có

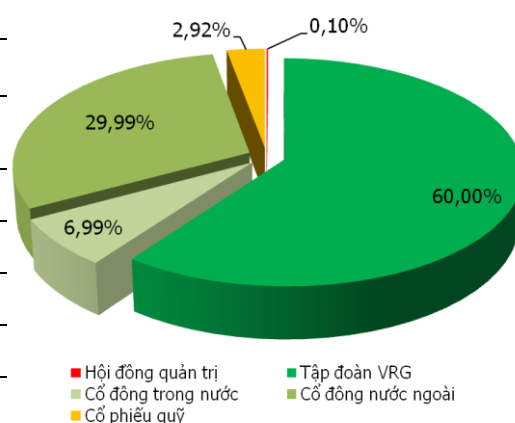
Số lượng CP quỹ: 875.000 CP

Giá trị sổ sách tại 31/12/2012: 43.633 đồng



Cổ đông	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ/Vốn cổ phần
Tập đoàn CN Cao su Việt Nam	18.000.000	60,00%
Hội đồng quản trị	30.600	0,10%
Cổ đông trong nước (không bao gồm cổ đông Nhà nước)	2.098.280	6,99%
– Tổ chức	487.817	1,62%
– Cá nhân	1.610.463	5,37%
Cổ đông nước ngoài	8.996.120	29,99%
– Tổ chức	8.945.430	29,82%
– Cá nhân	50.690	0,17%
Cổ phiếu quỹ	875.000	2,92%
Tổng cộng	30.000.000	100%

Cơ cấu cổ đông TRC



Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn điều lệ trở lên chốt ngày 25/03/2013

Tên cổ đông	Địa chỉ	Giấy Đăng ký sở hữu	Số cổ phần	Tỷ lệ %
FTIF - Templeton Frontier Markets Fund	26 Blv Royal, L-2449 Luxembourg Grand Duchy of Luxembourg	CA2795	1.653.370	5,51%
Tập đoàn CN Cao su Việt Nam	236 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Q.3, TP.HCM	4106000341	18.000.000	60,00%
Tổng cộng			19.653.370	65,51%

Tỷ lệ sở hữu của Ban điều hành (HĐQT, Ban TGD, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng, bao gồm đại diện cổ phần Nhà nước) tại ngày 25/03/2013

Tên cổ đông	Địa chỉ	CMND	Số cổ phần	Tỷ lệ %
Hứa Ngọc Hiệp	Chủ tịch HĐQT	020109521	10.500.000	35,00%
Lê Văn Chành	Tv.HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	290288403	4.502.600	15,01%
Trương Văn Minh	Tv.HĐQT kiêm Phó TGD	290885802	3.002.100	10,01%
Lê Bá Thọ	Tv.HĐQT	290435349	23.200	0,08%
Nguyễn Thanh Liêm	Tv.HĐQT độc lập	290020144	2.700	0,01%
Trần Văn Rạng	Phó TGD	290882407	2.800	0,009%
Đỗ Thị Thanh Vân	Trưởng ban kiểm soát	290382468	1.300	0,004%
Trần Ngọc Ẩn	Kế toán trưởng	290248566	0	0%
Tổng cộng			18.034.700	60,12%

Trong năm công ty không có hoạt động làm thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

Giao dịch cổ phiếu quỹ

Trong năm công ty đã tiến hành mua 475.000 CP làm cổ phiếu quỹ đưa tổng số cổ phiếu quỹ hiện nay là 875.000 CP.

Giá mua bình quân: 41.705 đồng /CP

Thời gian giao dịch: 20/07/2012-20/10/2012







III. BÁO CÁO BAN GIÁM ĐỐC

- ❖ Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
 - ❖ Tình hình tài chính
 - ❖ Những cải tiến về cơ cấu tổ chức và chính sách quản lý
 - ❖ Kế hoạch phát triển tương lai
-

Khó khăn – Thuận lợi

Khó khăn

- Suy thoái kinh tế thế giới kéo dài. Lạm phát, giá cả ảnh hưởng tiêu cực đến chi phí sản xuất và đời sống người lao động.
- Áp lực hàng tồn kho cuối năm lớn.
- Tiền lương tính theo doanh thu giảm sút so với năm 2011.
- Biến đổi khí hậu dẫn đến phát sinh nhiều loại bệnh hại trên vườn cây như bệnh nứt vỏ xì mủ, bệnh nấm hồng, *Corynespora*, *Botryodiplodia* Giông gió kèm theo mưa làm ngã đổ cây cao su với số lượng lớn trên 19.000 cây;
- Tệ nạn trộm cắp mủ khai thác diễn biến hết sức phức tạp và xu hướng phát triển mạnh, có tổ chức và trên diện rộng, mang tính côn đồ, coi thường kỷ cương pháp luật;
- Các chính sách mới về quản lý nhà nước, quy định đặc thù của địa phương có xu hướng vừa hỗ trợ vừa đặt ra những thách thức mới đối với các doanh nghiệp như: giá thuê đất nông nghiệp trồng cao su ở tỉnh Tây Ninh đặc thù cao hơn các nơi khác; các chính sách về thuế xuất khẩu cao su ly tâm, yêu cầu của luật môi trường, các loại phí phát sinh v.v ...
- Công tác Đầu tư 100% vốn ra nước ngoài tại Công ty phát triển cao su Tây Ninh-Siêm Riệp tuy bước đầu có nhiều thuận lợi nhưng vẫn còn những khó khăn như chưa thông thuộc hết luật pháp nước bạn, vấn đề tranh chấp đất do lấn chiếm, chậm trong khâu xin giấy phép đầu tư ra nước ngoài, v.v...

Thuận lợi

- Được sự quan tâm chỉ đạo của Tỉnh ủy và UBND tỉnh Tây Ninh, sự hỗ trợ có hiệu quả của các cấp chính quyền địa phương, của Lãnh đạo và các Ban của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam;
- Được sự quan tâm thăm hỏi động viên thường xuyên và đồng thuận của các cổ đông lớn, các quỹ đầu tư nước ngoài;
- Thời tiết năm nay tương đối thuận lợi cho việc khai thác cao su;
- Các giải pháp tích cực của Nhà nước nhằm ổn định nền kinh tế vĩ mô;
- Lãnh đạo Công ty đã nhận thức sâu sắc các khó khăn nên đã đề ra nhiều biện pháp tích cực, chủ động đối phó với các tình huống thực tế;
- Và hiệu quả hoạt động trong các năm qua là đảm bảo vững chắc về nguồn lực cho thắng lợi kế hoạch năm nay.



Một số các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu năm 2012

Chỉ tiêu	Đvt	TH2011	KH2012	TH2012	%KH	% So với 2011
A	B	1	2	3	4=3/2	5=3/1
A-CHỈ TIÊU KHỐI LƯỢNG						
1-Diện tích khai thác:	ha	5.493,38	5.407,03	5.407,03	100,0	98,4
2-Sản lượng khai thác:	tấn	11.541	11.200	11.602	103,6	100,5
3-Năng suất:	tấn/ha	2,101	2,071	2,146	103,6	102,1
4-Sản lượng chế biến:	tấn	16.392	17.700	15.675	88,6	95,6
Trong đó:-Mủ khai thác	"	11.541	11.200	11.602	103,6	100,5
-Mủ thu mua	"	1.731	2.500	1.646	65,8	95,1
-Gia công	"	3.120	4.000	2.427	60,7	77,8
5-Sản lượng tiêu thụ:	tấn	12.920	15.468	13.879	89,7	107,4
Trong đó:-Mủ khai thác	"	11.444	12.573	12.141	96,6	106,1
-Mủ thu mua	"	1.477	2.895	1.738	60,0	117,7
+Xuất khẩu:	"	5.323	6.360	4.288	67,4	80,6
-Trực tiếp	"	3.874	3.140	2.289	72,9	59,1
-Ủy thác qua Tập đoàn	"	1.164	1.200	1.281	106,8	110,1
-Ủy thác qua đơn vị khác	"	285,36	2.020	717,6	35,5	251,5
+Nội tiêu:	"	7.597	9.108	9.592	105,3	126,3
6-Tồn kho cuối năm:	tấn	1.918	150	1.287	857,9	67,1
B-CHỈ TIÊU GIÁ TRỊ:						
1-Giá thành:						
Trong đó: -Mủ khai thác	1.000đ/tấn	51.804	43.114	41.631	96,6	80,4
-Mủ thu mua	1.000đ/tấn	87.453	62.385	62.455	100,1	71,4
2-Giá bán:						
Trong đó: -Mủ khai thác	1.000đ/tấn	90.023	67.000	62.628	100,0	69,6
-Mủ thu mua	1.000đ/tấn	87.966	67.000	62.613	100,0	71,2
3-Tổng doanh thu:	Tr đồng	1.335.691	1.127.674	1.057.457	93,8	79,2
+Cao su tự khai thác	"	1.030.210	787.442	760.378	96,6	73,8
+Cao su thu mua	"	129.883	181.180	108.840	60,1	83,8
+Gia công	"	8.644	11.821	7.525	63,7	87,1
+Kinh doanh khác	"	26.548	27.120	30.969	114,2	116,7
+Hoạt động tài chính	"	76.951	47.544	59.073	124,3	76,8
+Hoạt động khác	"	63.455	72.567	90.671	124,9	142,9
4-Tổng lợi nhuận trước thuế:	Tr đồng	568.058	354.640	389.933	110,0	68,6
+Cao su tự khai thác:	"	437.356	245.352	254.935	103,9	58,3
+Cao su thu mua:	"	757	579	275	47,5	36,3
+Gia công:	"	364	207	111	53,5	30,5

+Kinh doanh khác:	"	132	270	210	77,8	159,1
+Hoạt động tài chính:	"	74.560	45.702	55.686	121,8	74,7
+Hoạt động khác	"	54.890	62.529	78.716	125,9	143,4
5-Chỉ tiêu phải nộp Ngân sách	Tr đồng	133.776	101.463	103.453	102,0	77,3
+Thuế TNDN	"	52.977	45.144	41.688	92,3	78,7
+Tiền thuê đất	"	27.754	27.754	27.835	100,3	100,3
+Thuế VAT	"	23.382	17.555	19.739	112,4	84,4
+Thuế thu nhập cá nhân	"	29.488	3.000	6.251	208,4	21,2
+Thuế nhập khẩu	"	7		68		918,2
+Thuế xuất khẩu	"	161	8.002	7.797		
+Thuế khác	"	8	8	22	275,0	275,0
+Thuế tài nguyên	"			54		
6-Tỷ suất lợi nhuận:						
+Trước thuế/doanh thu	%	43	31	37	117,3	86,5
+Trước thuế /vốn điều lệ	%	189	118	130	110,0	68,6
7-Trả cổ tức trên vốn điều lệ	%	35	30	30	100,0	85,7
8-Tổng vốn Đầu tư XDCB	Tr đồng	75.406	386.513	176.352	45,6	233,9
+ Đầu tư XDCB	"	45.204	330.578	133.496	40,4	295,3
Trong đó: _ Xây Lắp	"	34.381	180.625	108.607	60,1	315,9
_ Thiết Bị	"	9.629	49.665	10.656	21,5	110,7
_ KTCB khác	"		93.027	7.601		
_ Trả lãi vay dài hạn	"	1.194	7.261	6.633	91,3	555,5
+ Trả nợ vay dài hạn	"	21.642	4.425	4.425	100,0	20,4
+ Đầu tư tài chính dài hạn	"	8.560	51.510	38.430	74,6	449,0
*Góp vốn đầu tư lũy kế đầu năm:	Tr đồng		147.419	147.419	100,0	
*Góp vốn năm nay:	Tr đồng		51.510	38.430	74,6	
*Giảm vốn từ Nước Khoán Ninh Điền	Tr đồng			-13.500		
9-Lao động bình quân trong kỳ	Người	2.725	3.089	2.770	89,7	101,7



Tình hình tài sản

Chỉ tiêu (triệu đồng)	Năm 2012	Năm 2011	% 2012/2011
Tổng tài sản	1.484.791	1.471.258	100,9%
Tài sản ngắn hạn	959.816	902.378	106,3%
<i>Phải thu ngắn hạn</i>	<i>107.075</i>	<i>66.674</i>	<i>160,6%</i>
<i>Hàng tồn kho</i>	<i>76.410</i>	<i>125.293</i>	<i>60,9%</i>
Tài sản dài hạn	524.976	568.881	92,3%

Tổng tài sản tăng nhẹ 0,9% so với 2011, tương đương giá trị tổng tài sản đạt 1.484,79 tỷ đồng, trong đó tài sản ngắn hạn tăng 6,3% và tài sản dài hạn giảm 7,3%.

Tài sản ngắn hạn tăng từ khoản phải thu ngắn hạn tăng 60,6% tương ứng tăng 40,4 tỷ đồng nguyên nhân do trong năm công ty nới lỏng chính sách bán hàng trả chậm cho các khách để đẩy mạnh tiêu thụ nhằm đạt chỉ tiêu đề ra. Tuy nhiên kết thúc năm công ty chỉ hoàn thành 88% doanh thu kế hoạch.

Bên cạnh đó, với mức tiêu thụ chậm và giá cao su giảm mạnh công ty đã giảm việc dự trữ hàng tồn kho từ 125 tỷ đồng xuống còn 76,4 tỷ đồng với mức giảm 60,9%.

Chính những yếu tố trên dẫn đến tổng tài sản chỉ tăng nhẹ 0,9% so với năm trước.

Tình hình nợ phải trả

Chỉ tiêu (triệu đồng)	Năm 2012	Năm 2011	% 2012/2011
Nợ phải trả	175.805	344.198	51%
Nợ ngắn hạn	170.813	329.904	52%
<i>Vay và nợ ngắn hạn</i>	<i>3.699</i>	<i>4.425</i>	<i>84%</i>
<i>Phải trả người lao động</i>	<i>115.925</i>	<i>194.407</i>	<i>60%</i>
<i>Quỹ khen thưởng phúc lợi</i>	<i>23.218</i>	<i>76.194</i>	<i>30%</i>
Nợ dài hạn	4.992	14.295	35%
<i>Vay dài hạn</i>	<i>4.992</i>	<i>8.691</i>	<i>57%</i>
<i>Dự phòng trợ cấp mất việc làm</i>	<i>0</i>	<i>5.604</i>	<i>0%</i>

Nợ ngắn hạn giảm mạnh từ 329,9 tỷ đồng về mức 170,8 tỷ đồng, chỉ bằng 52% so năm 2011, chủ yếu từ việc giảm mạnh khoản mục phải trả người lao động (giảm 40% so với năm 2011) và quỹ khen thưởng phúc lợi (giảm 70% so với năm 2011), nguyên nhân là do lợi nhuận sau thuế giảm, dẫn đến giá trị trích lập quỹ giảm theo tương ứng.

Về vay nợ dài hạn, nhờ vào lợi nhuận giữ lại tăng mạnh từ năm 2011, công ty đã giảm vốn vay dài hạn trong năm qua. Bên cạnh đó, năm 2012 vừa qua công ty không trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm, chính những yếu tố này đã làm cho nợ dài hạn năm qua giảm 65% so với năm 2011.

Tình hình chế biến

- Đưa hệ thống đốt Gaz thay dầu diesel vào hoạt động tại nhà máy Bến Củi;
- Di dời hệ thống Gaz NH3 ra khu vực an toàn;
- Đấu thầu và chọn nhà thầu thi công cải tạo hệ thống xử lý nước thải nhà máy Yên Yên;
- Lắp đặt thêm đường ống hút đưa mù skim sang sấy ở lò sấy mù tạp, giảm mùi hôi ;
- Cải tiến hệ thống đánh đông mù skim, giảm tiêu hao acid đánh đông từ 130kg/tấn thành phẩm còn 80 kg;
- Cải tạo hệ thống tiện hiện có để tiện được trục cán 410 mm;
- Công tác PCCC, An toàn lao động được chú trọng nên không xảy ra hiện tượng đáng tiếc;
- Hệ thống XLNT hoạt động tương đối ổn định đạt yêu cầu về môi trường;
- Công tác sửa chữa, bảo dưỡng chú trọng thường xuyên nên hệ thống hoạt động ổn định.

Chăm sóc vườn cây

- Kết quả kiểm tra kỹ thuật cạo ở 3 nông trường cuối năm đều đạt loại giỏi.
- Trang bị máng che mưa trên 100% diện tích, Máng che mưa cho diện tích miệng cạo úp và sử dụng thuốc kích thích phù hợp với từng đối tượng vườn cây đã giúp tăng năng suất vườn cây.
- Cải tiến dẫn mù cao su bằng dây vải nên thu mù tốt, nhanh gọn.
- Cải tiến dụng cụ bôi thuốc kích thích cho miệng cạo cao giúp an toàn lao động và nâng cao hiệu quả sử dụng thuốc.
- Diện tích trồng tái canh năm 2012:





1/ **Trồng chính vụ:** 319,37 ha

+ NT Gò Dầu: 82,28 ha với 100% cây ghép sống. Tỷ lệ cây đạt 3 tầng lá trở lên: 100%; cây ≥5 tầng lá đạt 79%.

+ NT Bến Củi: 237,09 ha với 100% cây ghép sống. Tỷ lệ cây đạt 3 tầng lá trở lên: 100%; cây ≥5 tầng lá đạt 82%.

2/ **Trồng trái vụ:** 47,43 ha bằng bầu 2 tầng lá.

Ngoài việc sử dụng phân bón đúng quy trình kỹ thuật, Công ty đã tăng 100% lượng phân bón hữu cơ vi sinh trên vườn cây kinh doanh đợt 1.

Trồng thảm phủ Kudzu trên 1.080,25 ha cây trồng từ năm thứ 1 đến năm thứ 3.

Phòng trị bệnh kịp thời với các loại thuốc đặc trị như bệnh Botryodiploidia, bệnh phấn trắng, Corynespora, nấm hồng, loét sọc mặt cạo, côn trùng chích hút...

Nhờ thực hiện tốt quy trình chăm sóc, kỹ thuật cạo mù nên vườn cây phát triển tốt. Năng suất khai thác đạt 2,146 tấn/ha cây kinh doanh.

Công tác xây dựng cơ bản

Thực hiện vốn đầu tư XDCB đạt mức 153.530.787.000 đồng đạt 39,7% kế hoạch năm. Công tác khai hoang xây dựng vườn cây kịp thời góp phần nâng cao chất lượng cây trồng mới.

Các ngành kinh doanh, dịch vụ

- Cửa hàng kinh doanh Xăng, Dầu: Trong năm thực hiện doanh thu đạt trên 30 tỷ đồng, đạt lợi nhuận trước thuế trên 198 triệu đồng.
- Thu mua cao su tư nhân được 1.646 tấn mủ, doanh thu gần 109 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt 275 triệu đồng.
- Gia công chế biến cao su 2.427 tấn mủ, doanh thu hơn 7,5 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế 111 triệu đồng.

Công tác chăm lo đời sống công nhân

- Thu nhập bình quân CB-CNV trong năm 2012 thực hiện 9.303.581 đồng/người/tháng, so với năm 2011 giảm 35,4%.
- Tiền lương, thưởng được cấp phát kịp thời, đúng và đầy đủ.
- Trang cấp đầy đủ các chế độ về bảo hộ lao động cho công nhân với tổng kinh phí được sử dụng là 2,5 tỷ đồng.
- Thực hiện chế độ bồi dưỡng độc hại bằng hiện vật đầy đủ theo chế độ Nhà Nước quy định với tổng kinh phí sử dụng 8,35 tỷ đồng.
- Thực hiện chế độ ăn giữa ca cho Công nhân với mức 21.000 đồng/người/ngày, ước chi: 14,75 tỷ đồng.



- Tổ chức thăm tặng quà cho 65 gia đình liệt sĩ, công nhân bị tai nạn, cán bộ lão thành với số tiền: 80 triệu đồng.
- Tổ chức thăm, tặng quà cho 33 cháu tàn tật, mồ côi có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn nhân tháng hành động vì trẻ em với số tiền : 33 triệu đồng.
- Khen thưởng cho học sinh giỏi con em CB-CNV: 100 triệu đồng.
- Tổ chức lễ hội cho con em CB-CNV trong ngày quốc tế thiếu nhi 1/6 và tết Trung thu: 160 triệu đồng.
- Vận động CB.CNVC đóng góp ủng hộ công tác xã hội số tiền: 536 triệu đồng.
- Công tác chăm lo sức khỏe cho Công Nhân :
Trung tâm Y tế thực hiện trong năm 2012: khám bệnh 23.042 lượt; điều trị nội trú 1.584 ca, ngoại trú 19.858 ca, xét nghiệm 4.960 người.
Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho CB.CNV toàn Công ty với tổng số 2.558/2.627 người đạt 97,37%. Trong đó, số người đạt sức khỏe loại I là 366 người, đạt tỷ lệ 13,64%; loại II: 609 người – 23,81%; loại III: 1.421 người – 55,55%; loại IV: 159 người – 6,22% và loại V: 03 người đạt tỷ lệ 0,12%.
Chủ động trong công tác phòng dịch, phòng sốt rét và sốt xuất huyết, những biến động về dịch cúm gia cầm được quán triệt sâu rộng đến từng CB-CNV. Chăm lo tốt sức khỏe bà mẹ trẻ em và đảm bảo công tác KHH gia đình. Mạng lưới BHYT được triển khai đều khắp trong toàn công ty.

Công tác bảo vệ

- Với việc hình thành 43 tụ điểm thu mua mủ trên địa bàn đã dẫn đến tình trạng mua bán phức tạp, công khai mủ không rõ nguồn gốc. Tình trạng trộm cắp ngày càng gia tăng nhất là các lô giáp ranh khu dân cư. Đây là những khó khăn thật sự, thách thức công tác bảo vệ Công ty, mặt khác thách thức cả các cơ quan thực thi pháp luật Nhà nước.



- Tuy nhiên, nhờ sự quan tâm hỗ trợ từ các cấp chính quyền địa phương, sự gắn bó liên kết trên nhiều lĩnh vực an ninh, chính trị, trật tự ATXH với các cơ quan đoàn thể. Mặt khác đội ngũ Bảo vệ thường xuyên được đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, mạng lưới TNXX-CN tự quản xuyên suốt từ đội đến các tổ sản xuất nên đã hạn chế rất có hiệu quả tệ nạn trộm cắp từ bên ngoài.
- Qua thống kê, Trong năm 2012 xảy ra 152 vụ gồm 189 đối tượng so sánh cùng kỳ năm 2011 giảm 194 vụ. Đã chuyển 130 vụ cho Công An xử lý phạt hành chính 130 đối tượng tổng cộng 98.700.000 đồng. Tang vật thu hồi : 1.593 kg mủ đông, 46 lít mủ nước, 204 kg mủ đất, 04 ste củi.



Đánh giá kết quả và rút ra bài học kinh nghiệm

Năm 2012, chủ động khắc phục những khó khăn, một lần nữa Công ty CP cao su Tây Ninh hoàn thành thắng lợi một số chỉ tiêu chủ yếu. Thị trường được ổn định. Tiếp tục khẳng định hình ảnh thương hiệu với khách hàng trong lẫn ngoài nước. Triệt để thực hành tiết kiệm với nhiều biện pháp, nhiều sáng kiến; Đời sống công nhân tuy thấp hơn năm 2011 nhưng vẫn cao hơn nhiều so với mặt bằng chung trong khu vực, tiếp tục duy trì thành tích năng suất trên 2 tấn/ha. Hoàn thành nghĩa vụ của Doanh Nghiệp đối với Nhà Nước trước thời hạn. Cổ phiếu trên thị trường chứng khoán được nhà Đầu tư đặc biệt quan tâm, nhất là các tổ chức tài chính và các quỹ đầu tư nước ngoài đánh giá cao.

Đạt được những kết quả trên là nhờ :

- Phát huy được dân chủ rộng rãi thông qua quy chế dân chủ ở mọi cấp. Giữ vững và phát huy tinh thần đoàn kết nhất trí trong nội bộ từ Lãnh đạo Công Ty đến các Lãnh đạo các phòng ban, Nông trường, đơn vị.
- Tích cực xây dựng thương hiệu, giữ vững uy tín đối với khách hàng.
- Phát huy được tính sáng tạo và tinh thần trách nhiệm ở mỗi cá nhân, đơn vị cơ sở sản xuất. Phát huy được yếu tố tham gia tích cực của Lực lượng khoa học kỹ thuật. Đội ngũ cán bộ không ngừng được nâng cao về kiến thức, trình độ, năng lực và tinh thần trách nhiệm trong công tác.
- Tranh thủ được sự ủng hộ của các cấp chính quyền và nhân dân địa phương.
- Coi trọng việc đào tạo cán bộ quản lý ngang tầm với nhiệm vụ, không ngừng cải tiến lề lối làm việc và phong cách thái độ phục vụ khách hàng.
- Triệt để thực hành tiết kiệm. Chống các biểu hiện hình thức phô trương, lãng phí, luôn luôn đặt lợi ích của cổ đông, của người lao động ở vị trí cao nhất.

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức và chính sách quản lý

Ngoài hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008 đã được cấp chứng nhận và đang được áp dụng tại Công ty thì trong năm 2012, hệ thống quản lý môi trường ISO 14001:2004 và hệ thống quản lý phòng thí nghiệm 17025:2005 cũng đã được cấp giấy chứng nhận chính thức.

Các văn bản nội bộ Công ty chuyển cho các phòng ban trước đây ngoài hình thức fax hoặc gửi bằng văn bản in trực tiếp thì hiện nay Công ty đã gửi bằng email cũng đã góp phần tiết kiệm giấy in văn phòng phẩm cho Công ty. Đây cũng là nỗ lực của Công ty nhằm đối phó với tình hình kinh doanh khó khăn hiện nay. Ngoài ra, đây cũng là hành động và biện pháp thiết thực để bảo vệ môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001:2004 Công ty đang áp dụng

Thực hiện tốt các chính sách môi trường như phân loại rác thải sinh hoạt, rác thải sản xuất và rác thải độc hại, áp dụng hệ thống quản lý môi trường 14001:2004, cải tạo và nâng cấp hệ thống xử lý nước thải nhà máy trung tâm và nhà máy Bến Củi, tổ chức các lớp tập huấn an toàn vệ sinh lao động nhằm đảm bảo các chỉ tiêu về vệ sinh môi trường theo quy định của Nhà Nước

Đào tạo nhận thức về hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008, hệ thống quản lý môi trường 14001:2004 và hệ thống quản lý phòng thí nghiệm 17025:2005 cho toàn thể cán bộ công nhân viên có liên quan trong hệ thống quản lý của toàn Công ty nhằm hoàn thiện hơn công tác quản lý kiểm soát chất lượng sản phẩm đảm bảo đúng quy trình kỹ thuật đáp ứng cao hơn nữa yêu cầu của khách hàng trong và ngoài nước

1/ Một số chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu :

a/ Sản lượng khai thác:	Sản lượng thỏa thuận với Tập đoàn:	10.300 tấn
b/- Sản lượng chế biến:		16.300 tấn
+ Mủ khai thác:		10.300 tấn
+ Mủ Thu mua:		2.000 tấn
+ Chế biến mủ gia công:		4.000 tấn
c/- Chăm sóc vườn cây KTCB:		1.816 ha
d/- Trồng mới tái canh :		395,19 ha
e/- Sản lượng tiêu thụ (Khai thác+thu mua):		12.600 tấn
Trong đó :	+ Xuất khẩu:	5.369 tấn
	- Trực tiếp:	3.052 tấn
	- Ủy thác:	2.317 tấn
	+ Nội tiêu:	7.231 tấn
f/- Giá thành bình quân:		47.161.000 đồng/tấn
+ Mủ khai thác:		43.837.000 đồng/tấn
+ Mủ thu mua:		62.049.000 đồng/tấn
g/- Giá bán bình quân:		62.046.000 đồng/tấn
+ Mủ khai thác :		62.000.714 đồng/tấn
+ Mủ thu mua :		62.248.654 đồng/tấn
h/- Tổng doanh thu:		901.439.439.000 đồng
i/- Tổng lợi nhuận trước thuế:		256.945.071.000 đồng
Trong đó:	Lợi nhuận cao su:	187.543.591.000 đồng
j/- Các khoản phải nộp ngân sách:		84.249.639.000 đồng
k/- Phần đầu thu nhập bình quân /CBCNV/Tháng từ		7.965.000 đồng trở lên
l/ Kế hoạch XD CB năm 2013:		
* Tổng nhu cầu vốn đầu tư XD CB:		475.040.766.000 đồng
Trong đó:		
+ Đầu tư XD CB:		460.087.766.000 đồng
- Xây lắp		300.040.107.000 đồng
- Thiết bị		57.301.756.000 đồng
- KTCB khác		102.745.903.000 đồng
+ Trả nợ vay dài hạn Ngân hàng:		3.699.000.000 đồng
+ Đầu tư tài chính dài hạn:		11.254.000.000 đồng
m/ Cổ tức		30% mệnh giá



KẾ HOẠCH THỰC HIỆN NĂM 2013

CTY PHÁT TRIỂN CAO SU TÂY NINH SEAM RIEP

- Khai hoang: 3.000 ha (trong đó khai hoang gối vụ 1.000 ha).
- Trồng mới: 2.000 ha. Phần đầu đạt tỷ lệ cây sống 97% trở lên, cây 3 tầng lá 75%
- Trồng mới vườn ươm phục vụ cho công tác trồng mới năm 2014: 08 ha trở lên.
- Tích cực chăm sóc các vườn cây hiện có.
- Tổng nhu cầu vốn: 17.701.000 USD.

*** Kiến nghị với công ty mẹ:**

- Đề nghị hoàn thành sớm giấy phép đầu tư.
- Hỗ trợ công tác đào tạo công nhân ghép và hạt giống cây thảm phủ.
- Có nhiều biện pháp hỗ trợ tích cực giải quyết đất xâm canh để quy mô diện tích mới có thể đạt 7.600 ha theo kế hoạch.

2/ Các biện pháp thực hiện để đạt thắng lợi kế hoạch năm 2013:

Năm 2013, Với nhận thức sâu sắc rằng kinh tế thế giới còn có thể tiếp tục suy thoái, nguy cơ tiềm ẩn của lạm phát, của tái khủng hoảng, thời tiết thất thường, đời sống, thu nhập, tiền lương có khả năng sụt giảm v.v... . Vì vậy, BLĐ cùng toàn thể người lao động cần tập trung vào các nỗ lực sau để hoàn thành mục tiêu năm 2013:

- Tiếp tục phát huy các thành quả đã đạt được, khắc phục tồn tại của năm 2012.
- Giữ vững và nâng cao uy tín thương hiệu. Quan tâm không ngừng mở rộng thị trường, nghiên cứu phát triển sản phẩm mới theo xu hướng đa dạng hóa. Nâng dần tỷ trọng sản phẩm có giá trị kinh tế cao. Tiếp tục vận hành hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008 và hệ thống ISO 14001, hệ thống 17025.....
- Nâng cao vai trò quản lý của Cán bộ các cấp, tiếp tục cải tiến các định mức kinh tế kỹ thuật.
- Triệt để thực hành tất cả các biện pháp tiết kiệm, chống lãng phí, nâng cao vai trò của lực lượng Bảo vệ, phối hợp tốt với chính quyền địa phương để hạn chế các hiện tượng tiêu cực.
- Đổi mới quản lý. Thường xuyên đào tạo và bồi dưỡng năng lực cán bộ các cấp nhằm đáp ứng với yêu cầu trong tình hình mới. Ứng dụng các tiến bộ công nghệ vào quản lý và sản xuất.
- Tăng cường công tác thu mua, gia công để bù đắp sản lượng giảm, đảm bảo công suất máy, và tăng thu nhập người lao động;
- Tăng cường hỗ trợ cho Công Ty Phát Triển Cao Su Tây Ninh Siem Riep
- Tiếp tục tích cực chăm lo đến đời sống và điều kiện làm việc cho người lao động;
- Các tổ chức đoàn thể phần đầu cải tiến phương thức hoạt động , góp phần hỗ trợ hoạt động kinh doanh ngày càng phát triển.





IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- ❖ Đánh giá các mặt hoạt động của công ty
- ❖ Đánh giá về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc
- ❖ Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Báo cáo tóm tắt kết quả hoạt động SXKD năm 2012 của Công ty

Năm 2012 là một năm nền kinh tế thế giới gặp nhiều khó khăn như cuộc khủng hoảng nợ công tại khu vực Châu Âu tiếp tục chưa có lối thoát thật sự rõ ràng với tổng số nợ công của 11 nền kinh tế lớn nhất thế giới như Hoa Kỳ, Nhật Bản, Đức, Pháp, Italia, Anh, Canada, Brazil, Nga, Ấn Độ và Trung Quốc lên tới 7.600 USD (năm 2011 là 7.400 tỷ USD) theo số liệu do Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) công bố, sự tăng trưởng có xu hướng tăng chậm lại của các nền kinh tế như Mỹ và Nhật Bản, tốc độ tăng trưởng của các nền kinh tế mới nổi như Trung Quốc, Ấn Độ, Brazil không được khả quan như trước, nhu cầu hàng hóa từ Châu Âu sụt giảm khiến các nhà sản xuất lớn trên thế giới như Mỹ và Trung Quốc phải giảm sản lượng và giảm nhu cầu nhiên liệu cho sản xuất, bất ổn ở khu vực Trung Đông và Bắc Phi, các quỹ đầu cơ tại Châu Á thu hẹp quy mô đầu tư của mình, tỉ lệ thất nghiệp và lạm phát tăng cao.

Những khó khăn mà nền kinh tế toàn cầu đang đối mặt đã ảnh hưởng không nhỏ đến nền kinh tế trong nước ở giai đoạn hiện nay. Trong năm 2012, nhiệm vụ trọng tâm của Việt Nam là kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô cũng như duy trì mức tăng trưởng hợp lý cũng bị ảnh hưởng không nhỏ. Thị trường nguyên nhiên liệu và năng lượng như xăng, dầu, gas, điện và nước đều tăng mạnh trong năm 2012, sức tiêu thụ hàng hóa sụt giảm, hàng tồn kho tăng cao, nhiều doanh nghiệp nông, thủy sản và bất động sản và vật liệu xây dựng điêu đứng, tín dụng tăng trưởng thấp nhất kể từ năm 1992 với tỷ lệ 8,92%, nợ xấu tăng 64% so với năm 2011, lợi nhuận của ngành ngân hàng giảm sút, thanh khoản của thị trường chứng khoán Việt Nam giảm mạnh, nhiều công ty chứng khoán và công ty quản lý quỹ phải đóng cửa hoặc nằm trong diện kiểm soát đặc biệt. Tuy nhiên, nền kinh tế Việt Nam cũng có những điểm nổi bật như chỉ số giá tiêu dùng (CPI) đã tăng chậm dần trong những tháng cuối năm nhờ vào sự tăng cường công tác quản lý, điều hành và bình ổn giá theo Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ, Việt Nam lần đầu tiên suất siêu với tổng giá trị 284 triệu USD.

Ảnh hưởng của nền kinh tế thế giới đối với ngành Nông nghiệp Việt Nam trong đó có ngành cao su trong năm 2012 cũng bị ảnh hưởng không nhỏ. Tình hình thời tiết tương đối ít thuận lợi cho việc khai thác mủ cao su, bệnh hại trên vườn cây cao su, giá bán mủ cao su giảm mạnh so với năm 2011. Tuy nhiên, ngành cao su Việt Nam vẫn đạt được nhiều thắng lợi to lớn như tổng sản lượng cao su thiên nhiên xuất khẩu tăng 25,3% với 1.023.231 tấn (tổng giá trị hơn 2,9 tỷ USD. Đây là mức sản lượng xuất khẩu cao su thiên nhiên cao của ngành cao su Việt Nam.



khẩn và thách thức như bệnh nứt vỏ xì mủ, bệnh nấm hồng, hiện tượng trộm cắp mủ ở vườn cây đang khai thác của Công ty cũng ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động sản xuất kinh doanh. Cùng với sự lãnh đạo tốt của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc cùng toàn thể CB.CNV. Công ty đã quyết tâm hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao trong công tác sản xuất kinh doanh của mình góp phần vào sự thăng lợi to lớn trong năm 2012.

Năm 2012, Công ty Cổ phần Cao su Tây Ninh đã khai thác được 11.602 tấn mủ quy khô, đạt 103,6% kế hoạch; năng suất vườn cây bình quân đạt 2,146 tấn/ha. Cả 03 nông trường Gò Dầu, Bến Củi và Cầu Khởi đều hoàn thành và vượt kế hoạch Công ty đã giao. Bên cạnh đó, Công ty đã tổ chức thu mua 1.646 tấn mủ quy khô. Trong năm Công ty đã chế biến được 15.675 tấn mủ thành phẩm

Công ty đã tiêu thụ được 13.879 tấn thành phẩm. Giá bán bình quân đạt 62.628.000 đồng/tấn (100 % so với KH 2012). Tổng doanh thu đạt 1.057 tỷ đồng, trong đó giá trị xuất khẩu là 14,118 triệu USD. Lợi nhuận sau thuế đạt 348,29 tỷ đồng. Ngoài ra, HĐQT Công ty Cổ phần Cao su Tây Ninh đã quyết định tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2012 là 15%/ mệnh giá và trình Đại hội cổ đông quyết định chia cổ tức năm 2012 ở mức 30%/ mệnh giá.

Năm 2012, nền kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng vẫn còn đối mặt với nhiều khó khăn và thử thách như sự leo thang của lãi suất ngân hàng và tỷ lệ lạm phát tăng cao đã ảnh hưởng đến yếu tố đầu vào của các doanh nghiệp, đặc biệt là nguồn vốn đầu tư gây khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh vốn đã phải chịu nhiều áp lực từ cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới trong năm 2012. Ngành cao su cũng không phải là một ngoại lệ.

Sau khi đánh giá tình hình khó khăn phức tạp của nền kinh tế Việt Nam trong năm 2012, Công ty Cổ phần Cao su Tây Ninh đã trình lên kế hoạch năm 2013 lên Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam với một số chỉ tiêu cơ bản như: diện tích khai thác 5.009,85 ha, sản lượng thu hoạch 10.300 tấn, cao su thu mua 2.000 tấn, chế biến 16.300 tấn (trong đó gia công 4.000 tấn), sản lượng tiêu thụ 12.600 tấn với giá bán dự tính bình quân là 62.042 triệu đồng/tấn, tổng doanh thu đạt 901,4 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt 256,9 tỷ đồng. Trong năm 2012, Công ty Cổ phần Cao su Tây Ninh dự kiến tỷ lệ chi trả cổ tức là 30 %/ mệnh giá.

Một số chỉ tiêu cơ bản năm 2012:

CHỈ TIÊU	ĐVT	KH 2012	TH 2012	% KH
CHỈ TIÊU KHỐI LƯỢNG				
Sản lượng khai thác	<i>tấn</i>	11.200	11.602	103,6
Năng suất	<i>tấn/ha</i>	2,071	2,146	103,6
Sản lượng chế biến	<i>tấn</i>	17.700	15.675	88,6
Sản lượng tiêu thụ	<i>tấn</i>	15.468	13.879	89,7
Tồn kho cuối năm	<i>tấn</i>	150	1.287	857,9
CHỈ TIÊU GIÁ TRỊ				
Giá thành	<i>1000 đ/tấn</i>			
Trong đó: - Mủ khai thác	-	43.114	41.631	96,6
- Mủ thu mua	-	62.385	62.455	100,1
Giá bán	<i>10000 đ/tấn</i>			
Trong đó: - Mủ khai thác	-	62.628	62.628	100,0
- Mủ thu mua	-	62.585	62.613	100,0
Tổng doanh thu	<i>Triệu đ</i>	1.127.674	1.057.457	93,8
Trong đó: Cao su tự khai thác	-	787.442	760.378	96,6
Tổng LNTT	-	354.640	389.933	110,0
Trong đó: Cao su tự khai thác	-	245.352	254.935	103,9
Khoản phải nộp ngân sách	-	101.463	103.453	102,0
Tỉ suất lợi nhuận				
-Trước thuế/Doanh thu	<i>%</i>	31	37	117,3
-Trước thuế/VĐL	-	118	130	110,0
Tỷ lệ cổ tức trên VĐL	-	30	30	100,0



Để thực hiện tốt các mục tiêu trên trong năm 2013, Hội đồng quản trị Công ty nhận thấy cần phải thực hiện các biện pháp sau:

- Phát huy các thành quả đã đạt được trong năm vừa qua, đồng thời khắc phục những điểm chưa thực hiện được trong năm 2012;
- Nêu cao hơn nữa tinh thần trách nhiệm để lãnh đạo Công ty hoàn thành tốt các nhiệm vụ mà Đại hội đồng cổ đông đã đề ra;
- Tiếp tục hoàn thiện các cơ chế điều hành quản lý để phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu năm 2013;
- Duy trì tình hình tài chính minh bạch, chính xác và đúng pháp luật;
- Đảm bảo quyền lợi tối đa của Cổ đông đồng thời đảm bảo quyền lợi của công nhân lao động ;
- Không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm ngày càng đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của khách hàng;
- Tìm kiếm thị trường mới tiềm năng để ổn định nguồn tiêu thụ sản phẩm trong và ngoài nước;
- Đảm bảo các điều kiện bảo hộ lao động, chăm sóc y tế, phúc lợi và thu nhập cho người lao động. Đây là điều kiện tốt cho sự phát triển bền vững cho Cổ đông nói chung và Công ty nói riêng;
- Để đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường, Công ty cần phải mở rộng nâng cấp hệ thống xử lý nước thải và phấn đấu đạt tiêu chuẩn ISO 14001:2004 đồng thời giữ vững những thành quả đã đạt được khi áp dụng tiêu chuẩn chất lượng ISO 9001:2008. Ngoài ra, hệ thống quản lý phòng thí nghiệm ISO 17025:2005 của Công ty cũng đã được cấp chứng nhận trong năm 2012

Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng Giám Đốc

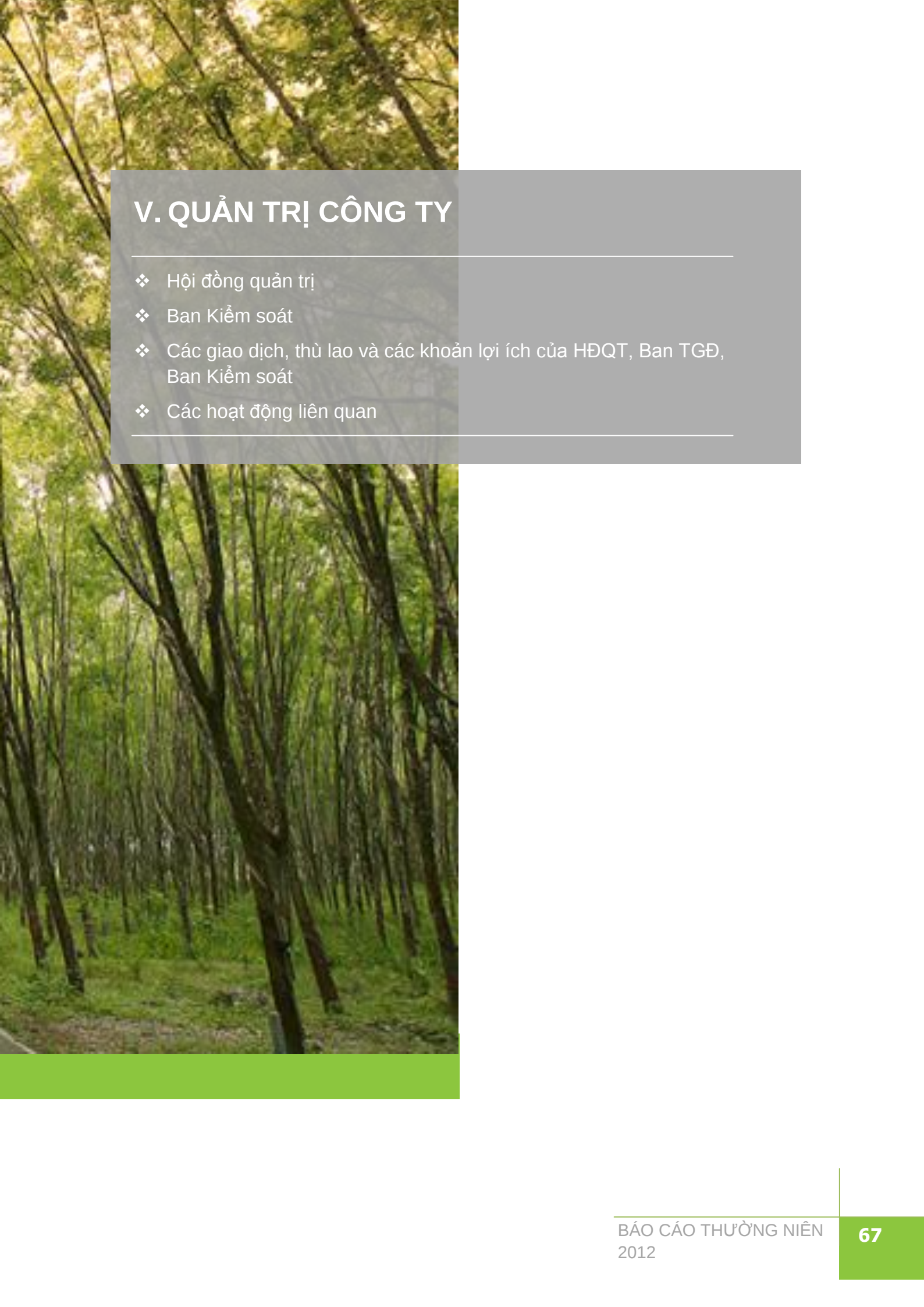
- Các thành viên Ban Tổng Giám Đốc Công ty đã thực hiện kịp thời và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao theo các Nghị quyết được thông qua bởi Đại hội đồng cổ đông năm 2012 và Hội đồng quản trị Công ty CP Cao su Tây Ninh, báo cáo tình hình hoạt động của Công ty cho các thành viên HĐQT thường xuyên và đầy đủ nhằm xử lý kịp thời các vấn đề nảy sinh trong hoạt động SXKD của Công ty trong năm 2012
- Chủ tịch HĐQT Công ty luôn giữ liên lạc thường xuyên với các thành viên HĐQT khác để thống nhất ý kiến chỉ đạo và ra quyết định đúng đắn và kịp thời
- Hội đồng quản trị đã chỉ đạo tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 vào ngày 17/04/2012
- Trong năm 2012, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Cao su Tây Ninh đã thông qua và giao cho Ban Tổng giám đốc việc mua cổ phiếu quỹ của Công ty, nâng tổng số cổ phiếu quỹ Công ty đang nắm giữ từ 400.000 cổ phiếu lên 875.000 cổ phiếu.
- Trong công tác quan hệ cổ đông: Ban quan hệ cổ đông đã làm việc và tiếp xúc trực tiếp với các cổ đông hoặc thông qua các quỹ đầu tư, các công ty chứng khoán về tình hình hoạt động của Công ty, chia cổ tức và các thông tin có liên quan đến cổ đông TRC. Hoạt động của Ban quan hệ cổ đông được các nhà đầu tư trong và ngoài nước đánh giá cao. Do vậy, Công ty Cổ phần Cao su Tây Ninh với mã chứng khoán TRC đã được vinh dự nằm trong Top 5 Doanh nghiệp niêm yết hoạt động quan hệ nhà đầu tư tốt nhất năm 2012.

Một số chỉ tiêu chính trong năm 2013 của Công ty Cổ phần Cao su Tây Ninh:

CHỈ TIÊU	ĐVT	KH 2013
CHỈ TIÊU KHỐI LƯỢNG		
Sản lượng khai thác	<i>tấn</i>	10.300
Sản lượng chế biến	<i>tấn</i>	16.300
Trong đó: -Mủ khai thác	-	10.300
-Mủ thu mua	-	2.000
-Mủ gia công	-	4.000
Diện tích KTCB	<i>ha</i>	1.816,00
Diện tích trồng mới, tái canh	-	395,19
Sản lượng tiêu thụ	<i>tấn</i>	12.600
Trong đó: -Xuất khẩu	-	5.368,80
+Trực tiếp	-	3.051,60
+Ủy thác	-	2.317,20
-Nội tiêu	-	7.231,20
CHỈ TIÊU GIÁ TRỊ		
Giá thành	<i>đ/tấn</i>	46.921.446
Trong đó: - Mủ khai thác	-	43.837.258
- Mủ thu mua	-	62.048.654
Giá bán	<i>đ/tấn</i>	62.042.704
Trong đó: - Mủ khai thác	-	62.000.714
- Mủ thu mua	-	62.248.654
Tổng doanh thu	<i>1.000 đ</i>	901.439.439
Tổng LNTT	-	256.945.071
Trong đó: Lợi nhuận cao su	-	187.083.592

Trên đây là Báo cáo hoạt động của HĐQT Công ty năm 2012 và định hướng hoạt động năm 2013. Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, đóng góp để HĐQT rút kinh nghiệm và làm tốt nhiệm vụ do Đại hội đồng cổ đông ủy nhiệm.





V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

- ❖ Hội đồng quản trị
 - ❖ Ban Kiểm soát
 - ❖ Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban TGD, Ban Kiểm soát
 - ❖ Các hoạt động liên quan
-

QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị

STT	Tên thành viên	Chức vụ	Tư cách thành viên
01	Hứa Ngọc Hiệp	Chủ tịch HĐQT	Thành viên điều hành
02	Lê Văn Chành	Tv. HĐQT	Thành viên điều hành
03	Lê Bá Thọ	Tv. HĐQT	Thành viên độc lập
04	Trương Văn Minh	Tv. HĐQT	Thành viên điều hành
05	Nguyễn Thanh Liêm	Tv. HĐQT	Thành viên độc lập

Hoạt động của HĐQT

Các cuộc họp của HĐQT

STT	Thành viên	Chức vụ	Số buổi tham dự họp	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Hứa Ngọc Hiệp	Chủ tịch	7/7	100%	-
2	Lê Văn Chành	T.viên	7/7	100%	-
3	Lê Bá Thọ	T.viên	7/7	100%	-
4	Trương Văn Minh	T.viên	7/7	100%	-
5	Nguyễn Thanh Liêm	T.viên	4/7	57%	Là Tv.HĐQT bổ sung từ Đại hội đồng Cổ đông thường niên ngày 17/04/2012

**Nghị quyết HĐQT**

Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
193/NQHĐQT-CSTN	29/02/2012	- Thống nhất tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2012 vào ngày 17/04/2012 tại Văn phòng của Công ty - Giao cho Chủ tịch HĐQT thành lập Ban tổ chức Đại hội
254/NQHĐQT-CSTN	14/03/2012	- Thống nhất phương án tăng vốn điều lệ của Công ty CP Cao su Tây Ninh tại Công ty CP Cao su Việt Lào lên 800 tỷ đồng - Thống nhất Công ty CP Cao su Tây Ninh sẽ góp thêm 20 tỷ, tương đương 10% để tỷ lệ góp vốn không đổi sau khi tăng vốn điều lệ (Công ty góp 10% vốn điều lệ) - Giao cho Tổng giám đốc tiến hành các thủ tục cần thiết và góp vốn đúng theo tiến độ trong quý II/2012
330/NQHĐQT-CSTN	30/03/2012	- Thống nhất cho phép đầu tư vào Công ty CP Cao su Dầu Tiếng Bắc Lào - Tổng vốn điều lệ ban đầu của dự án là 100 tỷ đồng, tổng diện tích trồng là 5.000ha tại tỉnh Udumxay (Lào). Công ty CP Cao su Tây Ninh góp 5% tổng vốn điều lệ - Thống nhất cử ông Nguyễn Văn Hạnh (Trưởng phòng Kỹ thuật Công ty) là người đại diện vốn của Công ty CP Cao su Tây Ninh tại Công ty CP Cao su Dầu Tiếng Bắc Lào
416/NQHĐQT-CSTN	22/04/2012	- Thống nhất chia cổ tức bằng tiền lần thứ II năm 2011 là 20%. Tức là 2.000đ/CP (ĐHCD quyết định tổng mức chia năm 2011 là 35%, đã chia lần I là 15%) - Thời gian gửi văn bản chốt danh sách ngày 23/04/2012 và chia cổ tức ngày 24/05/2012 - Giao cho Ban điều hành tổ chức thực hiện chia cổ tức lần thứ II nghiêm túc theo đúng tinh thần cuộc họp ĐHCĐ 2012

625/NQHĐQT-CSTN	08/07/2012	- Thống nhất mua lại cổ phiếu TRC (Công ty CP Cao su Tây Ninh) làm cổ phiếu quỹ của Công ty. Tổng số lượng cổ phiếu dự kiến mua 700.000 CP. Thời gian thực hiện: Từ 20/07/2012 đến 20/10/2012. Phương thức thực hiện: khớp lệnh. Nguồn vốn thực hiện: Lợi nhuận chưa phân phối 6 tháng đầu năm 2012.
1024/NQHĐQT-CSTN	08/10/2012	- Thống nhất báo cáo của Tổng giám đốc về kết quả thực hiện SXKD 9 tháng đầu năm 2012: sản lượng mỏ khai thác 7.164 tấn, doanh thu 468 tỷ đồng, lợi nhuận 252 tỷ đồng. Đối với dự án Campuchia (Công ty PTCS Tây Ninh Siêm Riệp) trồng mới năm 2012 là 473,1ha - Thống nhất đề ra kế hoạch sản lượng khai thác mỏ quý IV/2012 bình quân giao cho các nông trường là 35% KH năm. - Thống nhất kế hoạch góp vốn tiếp tục cho dự án Công ty CP Cao su Dầu Tiếng Lào Cai - Đối với việc trình bày tái cơ cấu của dự án Công ty CP TMDV và DL Cao su: Công ty tham gia với tỷ trọng quá ít nên không có ý kiến mà sẽ thống nhất theo chủ trương của cổ đông lớn Tập đoàn CN Cao su Việt Nam
1149/NQHĐQT-CSTN	19/11/2012	- Thống nhất tạm ứng cổ tức đợt I/2012 bằng tiền mặt là 15% mệnh giá (1.500đ/CP) từ nguồn tích lũy lợi nhuận của Công ty. - Giao cho Ban điều hành làm các thủ tục chi trả cổ tức. Thời gian thực hiện trong tháng 12/2012



Các tiêu ban thuộc HĐQT

Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

- Các tiểu ban HĐQT đã tham mưu trong việc xây dựng định hướng mục tiêu và kế hoạch hoạt động
- Phân tích thông tin, đánh giá tiềm năng phát triển của các dự án đầu tư để hỗ trợ HĐQT đưa ra các quyết định phù hợp
- Hỗ trợ HĐQT trong công tác tổ chức Đại hội đồng cổ đông năm 2012 ngày 17/04/2012

Hoạt động của các thành viên độc lập không điều hành : Không có

Danh sách các Tv.HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Tất cả Thành viên HĐQT đều có chứng chỉ đào tạo về Quản trị công ty

STT	Tên thành viên	Chức vụ	Tư cách thành viên
01	Hứa Ngọc Hiệp	Chủ tịch HĐQT	Thành viên điều hành
02	Lê Văn Chành	Tv. HĐQT	Thành viên điều hành
03	Lê Bá Thọ	Tv. HĐQT	Thành viên độc lập
04	Trương Văn Minh	Tv. HĐQT	Thành viên điều hành
05	Nguyễn Thanh Liêm	Tv. HĐQT	Thành viên độc lập

Ban kiểm soát

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, Ban kiểm soát Công ty xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Ban trong năm 2012 như sau:

Hoạt động của Ban Kiểm soát

Ban kiểm soát có 03 thành viên, các thành viên đã thực hiện nhiệm vụ theo Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Trong năm đã họp 6 lần với đầy đủ các thành viên tham gia 100%. Có 3 lần giám sát hồ sơ sổ sách tại phòng tài chính kế toán; 2 lần thẩm định quyết toán tài chính; 2 lần kiểm soát qui trình đầu tư xây dựng cơ bản, qui chế đấu thầu; 3 lần thực tế giám sát dự án đầu tư phát triển cao su tại Campuchia; 1 lần tham gia nghiệm thu đánh giá tỉ lệ sống của vườn cây trồng mới năm 2012; 1 lần giám sát chất lượng của hàng hóa vật tư đấu thầu nhập kho; 4 lần kiểm tra chất lượng bếp ăn và sử dụng kinh phí nấu ăn giữa ca cho Người lao động.

Ban kiểm soát đã tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT và đóng góp ý kiến với các cuộc họp của Hội đồng quản trị; Tham gia giám sát tình hình hoạt động, định hướng phát triển của Công ty, tình hình thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2012.

Xem xét các báo cáo về công tác quản lý, điều hành, báo cáo về thực hiện kế hoạch kinh doanh hàng quý năm 2012 và báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2012 của Công ty.

Xem xét việc chỉ đạo và triển khai hoạt động của Hội đồng quản trị cũng như việc thực hiện nhiệm vụ của Ban Tổng giám đốc điều hành.

Kết quả giám sát hoạt động và tài chính của công ty

Tình hình thực hiện kế hoạch SXKD năm 2012

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2012 đã thông qua một số chỉ tiêu chính như sau:

- Sản lượng cao su khai thác (quy khô):	11.200 tấn
- Năng suất bình quân vườn cây:	2.071 tấn/ha
- Sản lượng cao su thu mua (quy khô):	3.000 tấn
- Sản lượng cao su tiêu thụ:	15.718,255 tấn
- Tổng doanh thu:	1.166.856.367.000 đ
- Giá bán cao su bình quân:	67.215.987 đ/tấn
- Tổng lợi nhuận sau thuế :	304.395.585.000 đ
- Chia cổ tức:	30%/mệnh giá



Năm 2012, trong bối cảnh nền kinh tế thế giới vẫn còn nhiều bất ổn, khủng hoảng nợ công, tình trạng thất nghiệp..., nền kinh tế trong nước vẫn còn nhiều khó khăn, đặc biệt là tình hình lạm phát tuy bước đầu có chiều hướng giảm nhưng chưa ổn định và lãi suất ngân hàng vẫn còn khá cao cũng như việc tiếp cận nguồn vốn vay không thật sự thuận lợi, bên cạnh đó giá cao su năm 2012 sụt giảm xấp xỉ 30% so với năm 2011 đã tác động mạnh đến hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của Công ty.

Vượt qua những khó khăn và thách thức nêu trên, trong năm 2012, Ban lãnh đạo Công ty đã triển khai nhiều biện pháp quản lý phù hợp như: tăng cường công tác quản lý kỹ thuật vườn cây cao su khai thác, tổ chức quản lý chặt chẽ và đẩy mạnh công tác thu mua mủ cao su tiểu điền, đảm bảo đủ nguồn vốn cho hoạt động SXKD và đầu tư ..., đồng thời khắc phục những thiếu sót hạn chế của năm qua như: hạn chế thấp nhất tình trạng trộm cắp mủ, chặt phá vườn cây cao su, nâng cấp, cải tạo hệ thống xử lý nước thải tại các nhà máy chế biến cao su để cải thiện môi trường nhằm hoàn thành tốt các chỉ tiêu mà Đại hội đồng cổ đông đã đề ra.

Ban điều hành công ty đã triển khai tốt các Nghị quyết của HĐQT, cùng với sự phấn đấu nỗ lực của tập thể CB.CNV. Công ty đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và vượt mức kế hoạch SXKD đề ra năm 2012, cụ thể như sau:

- Sản lượng cao su khai thác:	11.602,319 tấn (103,59 % KH)
- Năng suất bình quân vườn cây:	2.146 tấn/ha (103,59 %KH)
- Sản lượng cao su thu mua:	1.645,792 tấn (65,83 %KH)
- Sản lượng cao su tiêu thụ:	13.879,455 tấn (89,73 % KH)
- Tổng doanh thu:	1.057.456.825 đồng (93,8% KH)
- Giá bán cao su bình quân:	62.628.704 đồng (100,0% KH)
- Tổng lợi nhuận sau thuế:	348,298 tỷ đồng (112,5% KH)
- Chia cổ tức:	30% (100%KH)

Công tác đầu tư

▪ Đầu tư trong nội bộ Công ty

Trong năm 2012 Công ty đã thực hiện đầu tư XDCB trong nội bộ với tổng số vốn là 176,352 tỷ đồng. Về cơ bản, công ty đã thực hiện đúng trình tự thủ tục đầu tư XDCB theo quy định. Để bảo vệ môi trường Công ty đầu tư công trình: Nâng cấp, cải tạo hệ thống xử lý nước thải tại nhà máy chế biến trung tâm với tổng vốn đầu tư là: 25,469 tỷ đồng, hình thức chọn thầu: Tổng thầu chìa khóa trao tay, thời gian thi công là 233 ngày, khởi công ngày: 01/8/2012, tuy nhiên hiện nay công trình chỉ mới ép thử tĩnh 2 tim cọc, nguyên nhân trễ tiến độ theo đánh giá là do năng lực khảo sát, thiết kế, tư vấn lập dự án của nhà thầu còn hạn chế.

▪ Đầu tư tài chính ra bên ngoài

Về đầu tư dài hạn: Thực hiện đề án tái cấu trúc doanh nghiệp, Công ty tiếp tục rà soát lại các danh mục đầu tư, chỉ đầu tư vào các dự án thuộc ngành nghề chính, từng bước thực hiện lộ trình thoái vốn tại các dự án không thuộc ngành nghề chính, cụ thể như sau :

Tính đến 31/12/2012, công ty tham gia góp vốn vào các dự án bên ngoài và công ty liên kết với tổng số tiền: 172.348.854.500đ. Trong năm 2012, công ty chỉ thực hiện góp vốn vào 2 dự án, và công ty liên kết tổng cộng số tiền: 38.430.210.000 đồng (%): Công ty CP Cao su Việt Lào: 17.500.000.000đ, Công ty CP Cao su Dầu Tiếng – Lào Cai 6.930.210.000đ, Công ty CP XNK Gỗ Tây Ninh: 14.000.000.000đ, đồng thời Công ty đã thực hiện thoái vốn 1 dự án tổng số tiền: 12.000.000.000đ.

▪ Tình hình đầu tư tại Công ty Phát triển Cao su Tây Ninh Siêm Riệp

Trong năm 2012, Công ty đã trồng mới được 473 ha cao su (94,6% KH), mật độ cây/ha, vườn cây được đánh giá tỷ lệ sống cao trên 98,4%, cây 03 tầng lá đạt 85%, cây 02 tầng lá đạt 13,4%, cây chết 1,6%, diện tích khai hoang: 1.000 ha.

Thực hiện vốn đầu tư XDCB đạt mức 8.464.141 USD (71,6% KH)

Về tiền lương

Theo thỏa thuận với Tập đoàn CNCS VN thì trong năm 2012 Công ty đã trích 340đ/1.000đ doanh thu cao su để hình thành quỹ lương, cộng với các quỹ lương khác như: lương hoạt động thu mua mủ tiểu điền, gia công mủ, lương bộ phận XDCB tự làm, vườn ương, vườn nhân ... để hình thành quỹ lương chung của công ty. Công ty đã phân phối quỹ lương một cách hợp lý, đúng chế độ và theo đúng quy chế của công ty đã ban hành.

Tổng quỹ tiền lương thực hiện của công ty năm 2012 là 287,133 tỷ, bình quân 8.638.195 đồng/người/tháng.

Thù lao cho HĐQT và Ban kiểm soát

Trong năm 2012, Công ty đã tạm chi thù lao cho các thành viên HĐQT, BKS, thư ký HĐQT và người công bố thông tin (13 người) là 157,736 triệu đồng so với mức được chi là 197,171 triệu đồng (chỉ mới chi 80% vì 20% còn lại để sau khi Tập đoàn đánh giá xếp hạng doanh nghiệp mới chi tiếp) theo đúng Nghị quyết mà Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua (Chi tiết có trong tờ trình gửi Cổ đông).

**Kiểm soát công nợ:**

Quá trình kiểm soát chúng tôi nhận thấy rằng: Công ty đã thực hiện tốt việc quản lý công nợ đối với khách hàng, thường xuyên kiểm tra, theo dõi chặt chẽ, đơn đốc thu hồi công nợ kịp thời. Đối với những khoản công nợ khó đòi, Công ty đã trích lập dự phòng theo đúng quy định. Cuối năm tài chính, Công ty đã thực hiện đối chiếu, xác nhận công nợ với các khách hàng tương đối đầy đủ.

Tình hình tài chính của Công ty:

Sau khi thẩm tra báo cáo tài chính năm 2012 do công ty lập và đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH tư vấn kế toán & kiểm toán Việt Nam (AVA), Ban kiểm soát nhận thấy:

-Tình hình tài chính của công ty lành mạnh, vốn được bảo toàn và phát triển.

-Báo cáo tài chính được lập theo đúng chế độ, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành của pháp luật về kế toán, thể hiện đúng và hợp lý tình hình tài chính của Công ty.

Theo Nghị quyết HĐQT số 625/NQ-HĐQTCSTN ngày 08/07/2012, trong đó thống nhất việc mua lại cổ phiếu TRC (Công ty CP Cao su Tây Ninh) làm cổ phiếu quỹ từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối, số lượng là 700.000 cổ phiếu. Do biến động giá của thị trường không phù hợp nên số lượng cổ phiếu thực hiện là 475.000 cổ phiếu với tổng giá trị 19,839 tỷ đồng, giá bình quân 41.705đ/CP. Lũy kế đến 31/12/2012 tổng số cổ phiếu quỹ công ty năm giữ là 875.000 cổ phiếu. Cổ phiếu TRC đang lưu hành trên thị trường là 29.125.000 cổ phiếu.

Trong năm 2012, Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức đợt 2 năm 2011 là 2.000 đồng/ cổ phiếu (tương đương 20%) và tạm chi trả cổ tức đợt 1 năm 2012 là 1.500 đồng/ cổ phiếu (tương đương 15%). Công ty cũng đã thực hiện tạm trích các quỹ dự phòng tài chính (5%), quỹ đầu tư phát triển (10%) và quỹ khen thưởng phúc lợi (15%) theo đúng Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đã thông qua.

Nhận xét đánh giá:

Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty đã tuân thủ các quy định của Điều lệ công ty và các quy chế trong chỉ đạo điều hành hoạt động kinh doanh.

Ban điều hành Công ty đã phân công nhiệm vụ cụ thể, rõ ràng cho từng thành viên, trên cơ sở đó đã chỉ đạo sâu sát tình hình thực hiện nhiệm vụ SXKD của công ty đem lại hiệu quả cao nhất. Bên cạnh đó, Công ty có đội ngũ cán bộ nhiều năm gắn bó với Công ty quản lý, có kinh nghiệm trong công tác tổ chức và quản lý, khai thác sản lượng mủ, chế biến sản phẩm, quy trình kỹ thuật được nghiêm túc thực hiện, đội ngũ công nhân có tay nghề ổn định nên năm 2012 công ty đã thực hiện vượt chỉ tiêu kế hoạch sản lượng mủ cao su khai thác đạt 103,6% kế hoạch năm.

Vườn cây kiến thiết cơ bản được chăm sóc tốt, tỷ lệ tăng vanh bình quân vượt so với quy định. Từ đó, có một số diện tích được đưa vào khai thác sớm hơn so với quy trình.

Vườn cây trồng mới, tái canh đạt tỷ lệ sống trên 90%, hầu hết cây sinh trưởng và phát triển tốt: đạt từ 3 tầng lá trở lên. Đây là cơ sở cho việc thực hiện quy trình trồng và chăm sóc vườn cây 6 năm đưa vào khai thác và tiến tới thực hiện phương án trồng cao su 05 năm đưa vào khai thác theo định hướng chỉ đạo của Tập đoàn CNCS Việt Nam là khả thi. Việc Công ty tiếp tục tăng mức đầu tư so với kế hoạch đối với công tác nông nghiệp để thâm canh vườn cây KTCB, tăng suất đầu tư cho công tác thâm canh nông nghiệp để vườn cây trồng mới rút ngắn thời gian KTCB sớm đưa vào khai thác là hoàn toàn hợp lý.

Vườn ươm, vườn nhân được chăm sóc tốt, cơ cấu bảng giống mới có năng suất cao, thực hiện đúng chỉ đạo của Tập đoàn CNCS Việt Nam trong việc chủ động giống tốt cho công tác tái canh, trồng mới.

Trên đây là báo cáo của Ban kiểm soát về việc giám sát tình hình hoạt động của công ty trong năm 2012. Ban kiểm soát xin trân trọng cảm ơn Quý vị cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban điều hành, các phòng ban trực thuộc công ty đã sẵn sàng giúp đỡ, hỗ trợ và tạo mọi điều kiện cho Ban kiểm soát hoạt động và hoàn thành nhiệm vụ.



Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát

Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích

STT	Họ và tên	Thù lao & Thưởng	Lương & Thưởng từ quỹ lương	Cho Công ty vay	Vay của Công ty
1	Hội đồng quản trị	89.921.596	2.048.253.256		
	Hứa Ngọc Hiệp	44.960.798	-		
	Lê Văn Chành		540.577.667		
	Trương Văn Minh		421.171.183		
	Lê Bá Thọ	44.960.798	326.489.876		
	Nguyễn Thanh Liêm		347.165.599		
2	Ban kiểm soát	81.249.601	-		
	Đỗ Thị Thanh Vân	24.070.476	-		Không có phát sinh
	Nguyễn Hồng Thái	17.541.697	-		
	Bùi Thanh Tâm	16.061.196	-		
3	Ban điều hành		412.848.301		
	Lê Văn Chành	-	-		
	Trương Văn Minh	-	-		
	Trần Văn Rạnh	-	412.848.301		

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: (HĐQT, Ban TGD, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Thư ký công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên trong năm 2012).

Tên cổ đông	Chức vụ/Liên quan	Số lượng CP trước giao dịch	Giao dịch (Mua/Bán, Cho Tặng)	Số lượng CP đã giao dịch	Số lượng CP sau giao dịch
CTCP Cao su Tây Ninh	CTCP Cao su Tây Ninh	400.000	Mua CP quỹ	475.000	875.000

Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ

Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên).

Tên gọi	Quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số tiền
Công ty CP Chế biến - XNK Gỗ Tây Ninh	Công ty liên kết	Phải thu tiền bán cây cao su thanh lý	2.684.699.262
Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam	Công ty mẹ	Mua mủ	18.962.392.547
Công ty Tây Ninh Siêm Riệp Phát triển Cao su	Công ty con	Ứng vốn cho công ty con	1.124.712.000
Công ty CP Chế biến - XNK Gỗ Tây Ninh	Công ty liên kết	Cho vay bổ sung vốn lưu động	6.450.000.000
		Lãi dự thu	72.204.200
		Thu gốc cho vay	27.000.000.000
		Thu lãi cho vay	694.088.383
Công ty CP Chế biến - XNK Gỗ Tây Ninh	Công ty liên kết	Thu bán cây cao su thanh lý	25.997.703.091
		Thu bán cây cao su gãy đổ	3.547.198.000
		Góp vốn	14.000.000.000
Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam	Công ty mẹ	Bán mủ cao su	11.040.000.000
		Phí UTXK phải trả	978.680.793
		Phí UTXK đã trả	657.779.704



Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Nhìn chung trong năm qua, HĐQT và Ban điều hành đã thực hiện tốt công tác quản trị công ty. Thường xuyên phản ứng kịp thời và đầy đủ trước các vấn đề phát sinh trong hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm 2012.

Đối với công tác quan hệ cổ đông: Ban quan hệ cổ đông đã làm việc và tiếp xúc trực tiếp với các cổ đông hoặc thông qua các quỹ đầu tư, các công ty chứng khoán về tình hình hoạt động của Công ty, chia cổ tức và các thông tin có liên quan đến cổ đông TRC. Hoạt động của Ban quan hệ cổ đông được các nhà đầu tư trong và ngoài nước đánh giá cao. Do vậy, Công ty Cổ phần Cao su Tây Ninh với mã chứng khoán TRC đã được vinh dự nằm trong Top 5 Doanh nghiệp niêm yết hoạt động quan hệ nhà đầu tư tốt nhất năm 2012.



CÁC HOẠT ĐỘNG LIÊN QUAN





Xác nhận của người đại diện trước pháp luật

CTCP Cao su Tây Ninh



**Tổng Giám đốc
Lê Văn Chánh**

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU TÂY NINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(Đã được kiểm toán)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2012

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 – 4
Báo cáo kiểm toán	5
Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán	6 – 37
Bảng cân đối kế toán riêng	6 – 8
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	10
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	11 – 37

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2012

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cao su Tây Ninh, tên giao dịch quốc tế Tây Ninh Rubber Joint Stock Company (sau đây gọi tắt là 'Công ty') trình bày Báo cáo này và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Cao su Tây Ninh là Công ty con trực thuộc Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam (Công ty được chuyển đổi từ Công ty TNHH một thành viên Cao su Tây Ninh theo Quyết định số 39/2006/QĐ-TTg ngày 15/02/2006 của Thủ tướng Chính phủ v/v phê duyệt Đề án sắp xếp, đổi mới nông trường quốc doanh trực thuộc Tổng công ty Cao su Việt Nam, Quyết định số 3549/QĐ-BNN-ĐMDN ngày 21/11/2006 của Bộ NN & PTNT v/v Chuyển Công ty TNHH một thành viên Cao su Tây Ninh thành Công ty cổ phần).

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần lần đầu số 45003000058 ngày 28/12/2006; đăng ký thay đổi lần 2 số 3900242776 ngày 06/7/2011; đăng ký thay đổi lần 3 số 3900242776 ngày 25/5/2012; đăng ký thay đổi lần 4 số 3900242776 ngày 24/07/2012 do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở kế hoạch và đầu tư Tỉnh Tây Ninh cấp.

Hoạt động chính của Công ty bao gồm: Trồng cây cao su - mã ngành 0125; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ (Thi công, xây lắp công trình giao thông) - 4210; Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Các mặt hàng lưu niệm) - 4773; Sản xuất các sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện (Đồ dùng gia dụng) - 1629; Sản xuất bao bì bằng gỗ (Đóng palet) - 1623; Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác (Dịch vụ rửa xe) - 4520; Lắp đặt hệ thống điện (Lắp đặt mạng lưới điện đến 35 KV) - 4321; Bán buôn tổng hợp (Bán buôn vật tư tổng hợp) - 4690; Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại (Sản xuất thùng phuy sắt) - 2512; Xay xát và sản xuất bột thô (Xay xát hàng nông sản) - 1061; Xây dựng nhà các loại (Xây lắp công trình dân dụng, công nghiệp) - 4100; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (Mua bán xăng, dầu, nhớt, mỡ) - 4661; Xây dựng công trình công ích (Các công trình thể thao, công trình thủy lợi) - 4220; Cửa, xe, bèo gỗ và bảo quản gỗ (cửa, xe gỗ cao su) - 1610; Chuẩn bị mặt bằng (San lấp mặt bằng) - 4312; Nhà hàng dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Dịch vụ ăn uống) - 5610; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu (Tổ chức bán đấu giá tài sản) - 8299; Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan (Khai hoang và sửa chữa xây dựng cầu đường, khảo sát và thiết kế các công trình xây dựng giao thông) - 7110; Thoát nước và xử lý nước thải (Hệ thống thoát nước, xử lý nước thải) - 3700; Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Công nghiệp hóa chất, phân bón và cao su) - 4669; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chưa sử dụng hoặc đi thuê (Kinh doanh nhà đất) - 6810; Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch (Chế biến cao su nguyên liệu) - 0163; Trồng rừng và chăm sóc rừng (Chăm sóc cây cao su) - 0210; Kiểm tra và phân tích kỹ thuật (Kiểm nghiệm cao su cốm SVR các loại và cao su ly tâm theo TCVN) - 7120./.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2012

Công ty có trụ sở chính đặt tại xã Hiệp Thạnh - Huyện Gò Dầu - Tỉnh Tây Ninh

Vốn điều lệ của Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 300.000.000.000 đồng, tổng số cổ phần là 30.000.000 cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng/01 cổ phần.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty cho năm tài chính 2012 là 348.298.435.614 đồng (Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính 2011 là 515.081.527.263 đồng).

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỐ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Chúng tôi thấy không phát sinh bất kỳ sự kiện nào có ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng cũng như có hoặc có thể tác động đáng kể đến hoạt động của Công ty.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng quản trị vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông	Hứa Ngọc Hiệp	Chủ tịch
Ông	Lê Văn Chành	Ủy viên
Ông	Trương Văn Minh	Ủy viên
Ông	Nguyễn Thanh Liêm	Ủy viên
Ông	Lê Bá Thọ	Ủy viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban kiểm soát vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà	Đỗ Thị Thanh Vân	Trưởng ban
Ông	Nguyễn Hồng Thái	Ủy viên
Ông	Bùi Thanh Tâm	Ủy viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông	Lê Văn Chành	Tổng Giám đốc
Ông	Trương Văn Minh	Phó Tổng Giám đốc
Ông	Trần Văn Rạng	Phó Tổng Giám đốc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2012

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Tư vấn Kế toán và Kiểm toán Việt Nam (AVA). Kiểm toán viên không có bất kỳ quan hệ kinh tế hoặc quyền lợi kinh tế như góp vốn cổ phần, cho vay hoặc vay vốn từ Công ty, là cổ đông chi phối của Công ty hoặc ký kết hợp đồng gia công dịch vụ, đại lý tiêu thụ hàng hóa...

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính riêng cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính riêng;
- Lập các báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.
- Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính riêng.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2012, kết quả kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày 31/12/2012, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2012

THÔNG TIN CÓ LIÊN QUAN KHÁC

- Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Cao su Tây Ninh (Lần thứ 8/2011) số 978/NQHĐQT – CSTN ngày 04/11/2011 đã thống nhất cho phép thành lập Công ty con; Công ty Phát triển Cao su Tây Ninh Siêm Riệp (Tayninh - Siemriep Aphivath Caoutchouch Co., Ltd); Với ngành nghề kinh doanh là khai hoang, trồng mới, chăm sóc, chế biến và kinh doanh cao su thiên nhiên; Diện tích dự kiến khoảng 7.600 ha; thời hạn dự án là 70 năm, trong đó: dự kiến khoảng 6.500 ha cây cao su đứng, diện tích còn lại dùng cho giao thông, sản xuất chế biến và các loại đất khác; phạm vi đầu tư tại huyện Trapeaang Prasat thuộc tỉnh Oddar Meanchey, Vương quốc Campuchia. Theo đó, Công ty đã và đang tiến hành các thủ tục tiếp theo để thành lập Công ty con (nêu trên) theo quy định hiện hành của Việt Nam và Vương quốc Campuchia.
- Đến thời điểm ngày 31/12/2012, Công ty mẹ - Công ty Cổ phần Cao su Tây Ninh chưa thực hiện góp vốn sang Công ty Phát triển Cao su Tây Ninh Siêm Riệp (Công ty con).

CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/4/2012 hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Lê Văn Chành

Tổng Giám đốc

Tây Ninh, Việt Nam

Ngày 15 tháng 03 năm 2013

Số: 1895/BCKT/TC/NV6

Số: 1895/BCKT/TC/NV6

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính riêng năm 2012 của Công ty Cổ phần Cao su Tây Ninh

**Kính gửi: Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và các Cổ đông
Công ty Cổ phần Cao su Tây Ninh**

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính riêng năm 2012 của Công ty Cổ phần Cao su Tây Ninh gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31/12/2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày 31/12/2012 được lập ngày 15/03/2013 từ trang 6 đến trang 37 kèm theo. Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng năm 2012 thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cao su Tây Ninh. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính riêng không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính riêng; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính riêng. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính riêng của Công ty Cổ phần Cao su Tây Ninh tại ngày 31/12/2012, cũng như kết quả kinh doanh riêng và các luồng lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày 31/12/2012, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.



Nguyễn Bảo Trung

Phó Giám đốc

Chứng chỉ kiểm toán viên số 0373/KTV

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KẾ TOÁN

VÀ KIỂM TOÁN VIỆT NAM (AVA)

Hà nội, Ngày 15 tháng 03 năm 2013

Bùi Đức Vinh

Kiểm toán viên

Chứng chỉ kiểm toán viên số 0654/KTV

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính : VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A . TÀI SẢN NGẮN HẠN		959.815.767.136	902.377.733.436
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.01	558.519.260.814	674.988.426.269
111	1. Tiền		214.909.562.410	110.585.619.602
112	2. Các khoản tương đương tiền		343.609.698.404	564.402.806.667
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		210.350.000.000	32.900.000.000
121	1. Đầu tư ngắn hạn	V.02	210.350.000.000	32.900.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		107.075.482.572	66.673.593.735
131	1. Phải thu khách hàng		74.921.353.212	25.318.815.400
132	2. Trả trước cho người bán		3.491.272.196	7.068.127.196
135	5. Các khoản phải thu khác	V.03	29.778.200.586	35.401.994.561
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		(1.115.343.422)	(1.115.343.422)
140	IV. Hàng tồn kho		76.409.812.140	125.292.891.801
141	1. Hàng tồn kho	V.04	76.409.812.140	125.307.119.825
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		0	(14.228.024)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		7.461.211.610	2.522.821.631
154	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	V.05	3.958.434.067	0
158	4. Tài sản ngắn hạn khác	V.06	3.502.777.543	2.522.821.631

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2012

200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		524.975.505.576	568.880.690.120
210	I- Các khoản phải thu dài hạn		0	0
220	II . Tài sản cố định		352.553.166.367	350.760.100.941
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.07	245.519.946.960	258.770.536.935
222	- Nguyên giá		451.953.441.704	457.921.884.752
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(206.433.494.744)	(199.151.347.817)
227	3. Tài sản cố định vô hình	V.08	1.718.339.691	0
228	- Nguyên giá		1.760.250.415	0
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(41.910.724)	0
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.09	105.314.879.716	91.989.564.006
240	III. Bất động sản đầu tư		0	0
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		172.348.854.500	146.846.588.994
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	V.10	25.500.000.000	11.500.000.000
258	3. Đầu tư dài hạn khác	V.11	146.848.854.500	135.918.644.500
259	4. DP giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	V.12	0	(572.055.506)
260	V. Tài sản dài hạn khác		73.484.709	71.274.000.185
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.13	0	398.300.185
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại		52.784.709	0
268	3. Tài sản dài hạn khác	V.14	20.700.000	70.875.700.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.484.791.272.712	1.471.258.423.556

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính : VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	A . NỢ PHẢI TRẢ		175.805.054.035	344.198.477.557
310	I. Nợ ngắn hạn		170.812.616.699	329.903.711.642
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	V.15	3.698.536.746	4.425.268.281
312	2. Phải trả người bán		1.115.302.841	2.576.805.179
313	3. Người mua trả tiền trước		11.554.970.840	38.829.251.302
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.16	6.510.309.687	8.192.493.753
315	5. Phải trả người lao động		115.924.665.662	194.407.146.319
316	6. Chi phí phải trả	V.17	3.978.682.045	702.227.286
317	7. Phải trả nội bộ		0	0
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	V.18	4.811.931.452	4.576.210.978
320	10. Dự phòng phải trả ngắn hạn		0	0
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		23.218.217.426	76.194.308.544
330	II. Nợ dài hạn		4.992.437.336	14.294.765.915
331	1. Phải trả dài hạn người bán		0	0
332	2. Phải trả dài hạn nội bộ		0	0
333	3. Phải trả dài hạn khác		0	0
334	4. Vay và nợ dài hạn	V.19	4.992.437.336	8.690.974.082
335	5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		0	0
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		0	5.603.791.833

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2012

400	B . VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.308.986.218.677	1.127.059.945.999
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.20	1.308.986.218.677	1.127.059.945.999
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		300.000.000.000	300.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		0	0
413	3. Vốn khác của chủ sở hữu		0	0
414	4. Cổ phiếu quỹ (*)		(43.777.986.793)	(23.938.315.832)
415	5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		0	0
416	6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		0	(755.008.025)
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		687.883.654.764	407.423.011.922
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		60.269.615.092	60.269.615.092
419	9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		0	0
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		304.610.935.614	384.060.642.842
421	11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		0	0
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		0	0
432	1. Nguồn kinh phí		0	0
433	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		0	0
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.484.791.272.712	1.471.258.423.556

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2012

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		0	0
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		950.630.948	950.630.948
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			0
4. Nợ khó đòi đã xử lý		1.519.655.163	1.519.655.163
5. Ngoại tệ các loại			
- Đồng đô la Mỹ		7.840.464,26	4.003.825,66
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		0	0



Người lập biểu
Trần Thị Tố Anh
Tây Ninh, Việt Nam
Ngày 15 tháng 03 năm 2013



Kế toán trưởng
Trần Ngọc Ân



Tổng Giám đốc
Lê Văn Chánh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH RIÊNG

Năm 2012

Đơn vị tính : VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.21	915.510.359.035	1.195.284.314.294
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	VI.22	7.797.377.829	0
10	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp DV	VI.23	907.712.981.206	1.195.284.314.294
11	Giá vốn hàng bán	VI.24	610.906.834.410	700.737.947.511
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV		296.806.146.796	494.546.366.783
21	Doanh thu hoạt động tài chính	V.25	59.073.477.852	76.951.213.591
22	Chi phí tài chính	V.26	3.387.141.820	2.391.491.529
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		1.481.876.534	2.126.577.798
24	Chi phí bán hàng		7.710.784.378	8.808.068.927
25	Chi phí quản lý doanh nghiệp		33.564.409.875	47.129.549.223
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		311.217.288.575	513.168.470.695
31	Thu nhập khác	V.27	90.670.365.750	63.455.072.443
32	Chi phí khác	V.28	11.954.488.717	8.565.321.708
40	Lợi nhuận khác		78.715.877.033	54.889.750.735
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		389.933.165.608	568.058.221.430
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	V.29	41.687.514.703	52.976.694.167
52	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		(52.784.709)	0
60	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		348.298.435.614	515.081.527.263
61	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	V.30	11.839	17.401



Người lập biểu
Trần Thị Tố Anh
Tây Ninh, Việt Nam
Ngày 15 tháng 03 năm 2013



Kế toán trưởng
Trần Ngọc Ân



Tổng Giám đốc
Lê Văn Chánh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Theo phương pháp trực tiếp

Đơn vị tính : VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
(1)	(2)	(3)	(4)
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động SX kinh doanh			
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp DV và doanh thu khác	01	868.627.569.267	1.226.530.846.612
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá dịch vụ	02	(172.654.763.438)	(152.716.695.031)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(391.078.639.500)	(421.154.697.444)
4. Tiền chi trả lãi	04	(2.397.529.508)	(2.126.577.798)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(47.897.302.382)	(61.200.570.464)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	9.728.995.561	11.686.231.426
7. Tiền chi khác cho hoạt động sản xuất kinh doanh	07	(366.705.734.215)	(335.636.578.429)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động SX-KD	20	(102.377.404.215)	265.381.958.872
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(7.870.536.720)	(24.842.805.668)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	76.140.708.554	70.740.126.543
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị	23	0	(46.650.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ DH khác	24	63.000.000.000	22.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(38.430.210.000)	(8.560.000.000)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	48.643.582.119	61.161.886.422
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	141.483.543.953	73.849.207.297

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2012

III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính

2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu đã phát hành	32	(19.839.670.961)	0
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(4.425.268.281)	(21.641.912.792)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(131.862.132.500)	(88.799.647.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(156.127.071.742)	(110.441.560.292)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	50	(117.020.932.004)	228.789.605.877
TIỀN TÒN ĐẦU NĂM	60	674.988.426.269	441.206.515.269
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	551.766.549	4.992.305.123
TIỀN TÒN CUỐI NĂM	70	558.519.260.814	674.988.426.269



Người lập biểu
Trần Thị Tố Anh
Tây Ninh, Việt Nam
Ngày 15 tháng 03 năm 2013



Kế toán trưởng
Trần Ngọc Ân



Tổng Giám đốc
Lê Văn Chành

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Công ty Cổ phần Cao su Tây Ninh là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam trên cơ sở chuyển đổi Công ty TNHH Một thành viên Cao su Tây Ninh - doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam thành Công ty Cổ phần.

Hoạt động

Công ty Cổ phần Cao su Tây Ninh hoạt động theo giấy đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần lần đầu số 4503000058 ngày 28/12/2006; đăng ký thay đổi lần 2 số 3900242776 ngày 06/7/2011; đăng ký thay đổi lần 3 số 3900242776 ngày 25/5/2012; đăng ký thay đổi lần 4 số 3900242776 ngày 24/07/2012 do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Tây Ninh cấp.

Hoạt động chính của Công ty bao gồm: Trồng cây cao su - mã ngành 0125; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ (Thi công, xây lắp công trình giao thông) - 4210; Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Các mặt hàng lưu niệm) - 4773; Sản xuất các sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện (Đồ dùng gia dụng) - 1629; Sản xuất bao bì bằng gỗ (Đóng palet) - 1623; Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác (Dịch vụ rửa xe) - 4520; Lắp đặt hệ thống điện (Lắp đặt mạng lưới điện đến 35 KV) - 4321; Bán buôn tổng hợp (Bán buôn vật tư tổng hợp) - 4690; Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại (Sản xuất thùng phuy sắt) - 2512; Xay xát và sản xuất bột thô (Xay xát hàng nông sản) - 1061; Xây dựng nhà các loại (Xây lắp công trình dân dụng, công nghiệp) - 4100; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (Mua bán xăng, dầu, nhớt, mỡ) - 4661; Xây dựng công trình công ích (Các công trình thể thao, công trình thủy lợi) - 4220; Cửa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ (cửa, xẻ gỗ cao su) - 1610; Chuẩn bị mặt bằng (San lấp mặt bằng) - 4312; Nhà hàng dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Dịch vụ ăn uống) - 5610; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu (Tổ chức bán đấu giá tài sản) - 8299; Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan (Khai hoang và sửa chữa xây dựng cầu đường, khảo sát và thiết kế các công trình xây dựng giao thông) - 7110; Thoát nước và xử lý nước thải (Hệ thống thoát nước, xử lý nước thải) - 3700; Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Công nghiệp hóa chất, phân bón và cao su) - 4669; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chưa sử dụng hoặc đi thuê (Kinh doanh nhà đất) - 6810; Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch (Chế biến cao su nguyên liệu) - 0163; Trồng rừng và chăm sóc rừng (Chăm sóc cây cao su) - 0210; Kiểm tra và phân tích kỹ thuật (Kiểm nghiệm cao su cốm SVR các loại và cao su ly tâm theo TCVN) - 7120./.

Công ty có trụ sở được đặt tại : Xã Hiệp Thạnh - Huyện Gò Dầu - Tỉnh Tây Ninh.

Điện thoại: 0663 853 606

Fax: 0663 853 608

Mã số thuế: 3900242776

Email : cty - cstn@hcm.vnn.vn

Website : <http://www.taniruco.com>

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2012

Vốn điều lệ

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 300.000.000.000 đồng, trong đó:

<i>TT</i>	<i>Cổ đông</i>	<i>Số cổ phần</i>	<i>Tỷ lệ %</i>
01	Cổ đông sáng lập - Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam	18.000.000	60 %
02	Cổ đông bên ngoài	12.000.000	40 %
Cộng		30.000.000	100%

Mạng lưới hoạt động

Công ty có trụ sở chính đặt tại xã Hiệp Thạnh, Huyện Gò Dầu, Tỉnh Tây Ninh. Công ty đồng thời cũng có các đơn vị trực thuộc, như sau:

Tên	Địa chỉ
1. Văn phòng Công ty	Huyện Gò Dầu - Tỉnh Tây Ninh
2. Xí nghiệp Cơ khí chế biến	Huyện Gò Dầu - Tỉnh Tây Ninh
3. Nông trường Gò Dầu	Huyện Gò Dầu - Tỉnh Tây Ninh
4. Nông trường Cầu Khởi	Huyện Dương Minh Châu - Tỉnh Tây Ninh
5. Nông trường Bến Củi	Huyện Dương Minh Châu - Tỉnh Tây Ninh
6. Khu kinh doanh xăng dầu và dịch vụ tổng hợp	Huyện Gò Dầu - Tỉnh Tây Ninh
7. Trung tâm Y tế	Huyện Gò Dầu - Tỉnh Tây Ninh

Công ty con: Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Cao su Tây Ninh (lần thứ 8/2011) số 978/NQHĐQT-CSTN ngày 04/11/2011 thống nhất cho phép thành lập Công ty con: Công ty phát triển Cao su Tây Ninh Siêm Riệp (Tayninh – Siem Riep Aphivath Caoutchouch Co.ltd); Với ngành nghề kinh doanh là khai hoang, trồng mới, chăm sóc, chế biến và kinh doanh cao su thiên nhiên; Diện tích dự kiến khoảng 7.600 ha; Thời hạn dự án là 70 năm, trong đó dự kiến khoảng 6.500 ha cao su đứng, diện tích còn lại dùng cho giao thông, XD CB và các loại đất khác; Phạm vi đầu tư tại huyện Trapeaang Prasat thuộc tỉnh Oddar Meanchey, Vương quốc Campuchia. Theo đó Công ty đã thành lập Công ty con (nêu trên) theo quy định hiện hành của Việt Nam và Vương quốc Campuchia.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2012

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm dương lịch.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp áp dụng cho doanh nghiệp được quy định tại Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, sửa đổi bổ sung báo cáo theo Thông tư số 244/TT – BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý khác có liên quan về việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

3. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán chứng từ ghi sổ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong quá trình chuyển đổi thành tiền.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2012

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán (*Theo Thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 quy định về việc ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp*);

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn bao gồm Đầu tư chứng khoán ngắn hạn (Cổ phiếu, trái phiếu, tín phiếu ...) có thời hạn thu hồi không quá một năm hoặc mua vào, hoặc bán ra chứng khoán để kiếm lời; Các khoản đầu tư ngắn hạn khác bao gồm các khoản cho vay mà thời hạn thu hồi không quá một năm...

Trong trường hợp đầu tư bằng tiền hoặc hiện vật (Tài sản cố định, nguyên liệu, hàng hóa...) thì giá trị khoản đầu tư được tính theo giá thỏa thuận của các bên tham gia đầu tư đối với các tài sản đưa đi đầu tư. Phần chênh lệch (nếu có) giữa giá trị ghi sổ kế toán của Công ty với giá trị tài sản được đánh giá lại được phản ánh vào thu nhập hoặc chi phí trong năm tài chính.

Các khoản đầu tư được theo dõi chi tiết cho từng khoản đầu tư, từng hợp đồng vay.

Việc trích lập và hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn được thực hiện ở thời điểm khóa sổ kế toán để lập báo cáo tài chính riêng năm.

Mức trích lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn được xác định bằng chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được và giá gốc ghi trên sổ kế toán. Chênh lệch tăng hoặc giảm giữa số dự phòng phải trích lập với số đã trích lập được điều chỉnh vào chi phí hoạt động tài chính trong kỳ.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ gồm các khoản phải thu từ khách hàng, trả trước cho người bán, các khoản phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2012

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho của Công ty là những tài sản được giữ để bán trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường; Đang trong quá trình sản xuất, kinh doanh dở dang; nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ (gọi chung là vật tư) để sử dụng trong quá trình sản xuất kinh doanh.

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

5. Nguyên tắc ghi nhận tài sản ngắn hạn khác

Tài sản ngắn hạn khác của Công ty được phản ánh bao gồm chi phí trả trước, chi phí chờ kết chuyển, thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, các khoản thuế nộp thừa cho Nhà nước, các khoản tạm ứng cho cán bộ công nhân viên và các khoản ký cược, ký quỹ ngắn hạn

6. Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm phát sinh chi phí hoặc phân bổ vào chi phí theo quy định. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2012

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

7. Nguyên tắc ghi nhận khấu hao tài sản cố định

Khấu hao TSCĐ của Công ty được thực hiện theo phương pháp khấu hao đường thẳng: Thời gian khấu hao được xác định phù hợp với Thông tư số 203/2009/TT – BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính v/v Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định; Quyết định số 2841/QĐ-BTC ngày 16/11/2009 của Bộ Tài chính v/v Định chính phụ lục số 02 – Thông tư số 203/2009/TT – BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính.

Riêng khấu hao tài sản cố định đối với vườn cây cao su được thực hiện theo Công văn số 1937/BTC-TCDN ngày 09/02/2010 của Cục Tài chính doanh nghiệp - Bộ Tài chính v/v Trích khấu hao vườn cây cao su và Quyết định số 221/QĐ - CSVN ngày 27/4/2010 của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam v/v Ban hành tỷ lệ trích khấu hao vườn cây cao su theo chu kỳ khai thác 20 năm; cụ thể như sau :

Năm khai thác	Tỷ lệ khấu hao theo %
Năm thứ 1	2,50
Năm thứ 2	2,80
Năm thứ 3	3,50
Năm thứ 4	4,40
Năm thứ 5	4,80
Năm thứ 6	5,40
Năm thứ 7	5,40
Năm thứ 8	5,10
Năm thứ 9	5,10
Năm thứ 10	5,00
Năm thứ 11	7,00
Năm thứ 12	6,60
Năm thứ 13	6,20
Năm thứ 14	5,90
Năm thứ 15	5,50
Năm thứ 16	5,40
Năm thứ 17	5,00
Năm thứ 18	5,50
Năm thứ 19	5,20

Mức khấu hao cho năm cuối cùng (năm thứ 20) được xác định bằng giá trị còn lại của vườn cây của năm khai thác cuối cùng.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2012

Nguyên giá vườn cây cao su sau khi định giá giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa bao gồm: Nguyên giá đang ghi nhận trên sổ sách kế toán cộng (+) với hiện giá thanh lý vườn cây cao su. Trong đó, giá trị phải khấu hao vườn cây không bao gồm chi phí thanh lý vườn cây cao su ước tính trong tương lai (hiện giá thanh lý vườn cây cao su), khi tiến hành thanh lý mới hạch toán kết chuyển toàn bộ giá trị còn lại của vườn cây chưa khấu hao hết (giá trị hiện giá thanh lý vườn cây cao su và giá trị vườn cây cao su chưa khấu hao hết - nếu có) vào chi phí khi tiến hành thanh lý vườn cây cao su.

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Tập hợp và theo dõi các khoản chi phí thực hiện dự án đầu tư xây dựng cơ bản (bao gồm chi phí mua sắm mới tài sản cố định, xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình) và tình hình quyết toán công trình.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được theo dõi chi tiết cho từng công trình, hạng mục công trình và từng khoản mục chi phí cụ thể.

9. Nguyên tắc ghi nhận đầu tư vào Công ty liên kết và các khoản đầu tư tài chính khác

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;

Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2012

10. Nguyên tắc ghi nhận dự phòng giảm giá đầu tư

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng. Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập riêng cho từng khoản đầu tư của doanh nghiệp.

11. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn được ghi nhận các khoản chi phí thực tế phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán (trên một năm tài chính). Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng niên độ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí mà lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý. Các khoản chi phí này được theo dõi chi tiết cho từng khoản chi phí.

12. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản chi phí phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh kỳ này để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

13. Nguyên tắc ghi nhận các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra Việt nam đồng theo tỷ giá tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong kỳ kế toán.

Số dư cuối kỳ của các tài khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán (Theo Thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 quy định về việc ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp).

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2012

14. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

16. Nguyên tắc ghi nhận quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Năm 2012, Công ty áp dụng việc chi trả trợ cấp mất việc làm theo Thông 180/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 hướng dẫn xử lý tài chính về chi trợ cấp mất việc làm cho người lao động tại doanh nghiệp. Theo đó, khi phát sinh chi trợ cấp mất việc làm Công ty hạch toán khoản chi trợ cấp mất việc làm cho người lao động theo quy định tại Thông tư này vào chi phí quản lý doanh nghiệp. Riêng năm 2012, sau khi chi trả trợ cấp mất việc làm cho cán bộ công nhân viên, nguồn quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm còn lại Công ty đã kết chuyển thu nhập khác theo đúng hướng dẫn tại Thông tư nêu trên.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2012

17. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

18. Phương pháp xác định doanh thu

Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Lãi ngân hàng và các khoản cho vay được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2012

19. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; Chi phí cho vay và đi vay vốn; Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ; Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

20. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2012

- Tất cả các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

21. Phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ

Việc phân phối lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được thực hiện theo điều lệ của Công ty và kế hoạch phân phối lợi nhuận do đại hội đồng cổ đông Quyết định hàng năm.

Trích lập Quỹ đầu tư phát triển từ khoản lợi nhuận được để lại do ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của Nhà nước và phần bổ sung thêm từ lợi nhuận sau thuế được phân phối sau khi đã trích lập Quỹ dự phòng tài chính, Quỹ khen thưởng – phúc lợi, thanh toán cổ tức cho các cổ đông.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2012

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

(Đơn vị tính : VND)

01. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt	1.372.919.467	1.146.223.991
Tiền gửi ngân hàng	213.536.642.943	109.439.395.611
Các khoản tương đương tiền	343.609.698.404	564.402.806.667
Cộng	558.519.260.814	674.988.426.269

02. Đầu tư ngắn hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Chứng khoán đầu tư ngắn hạn	0	0
Đầu tư ngắn hạn khác	210.350.000.000	32.900.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	0	0
Cộng	210.350.000.000	32.900.000.000

Ghi chú: Đầu tư ngắn hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn thu hồi trên 3 tháng và dưới một năm

03. Các khoản phải thu khác

	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	13.797.755.474	4.344.965.030
Phải thu về thuế TNCN của công nhân	11.056.731.601	28.700.128.523
Phải thu Công ty Phát triển Cao su Tây Ninh Siêm Riệp	1.124.712.000	0
Phải thu tạm ứng tiền ăn giữa ca	1.507.716.000	1.514.877.000
Phải thu khác	2.291.285.511	842.024.008
Cộng	29.778.200.586	35.401.994.561

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2012

04. Hàng tồn kho

	Cuối năm	Đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	15.958.612.832	16.702.589.209
Công cụ, dụng cụ	3.364.866.611	3.132.325.090
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.330.685.064	1.524.132.474
Thành phẩm	54.390.563.454	103.052.103.610
Hàng hoá	1.365.084.179	895.969.442
Cộng giá gốc hàng tồn kho	76.409.812.140	125.307.119.825

- Giá trị ghi sổ của hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản nợ phải trả là: 0 đồng
- Giá trị trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm là 0 đồng. Giá trị hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong kỳ là 14.228.024 đồng.
- Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho tại thời điểm ngày 31/12/2012 là 76.409.812.140 đồng.

05. Thuế và các khoản phải thu nhà nước

	Cuối năm	Đầu năm
Thuế xuất khẩu	546.000	0
Thuế thu nhập cá nhân	1.665.654.000	0
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.292.234.067	0
Cộng	3.958.434.067	0

06. Tài sản ngắn hạn khác

	Cuối năm	Đầu năm
Tạm ứng	3.502.777.543	2.522.821.631
Cộng	3.502.777.543	2.522.821.631

07. Tài sản cố định hữu hình: Chi tiết xem phụ lục số 01 kèm theo.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2012

08. Tài sản cố định vô hình

<i>Khoản mục</i>	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Tài sản cố định vô hình khác</i>	<i>Cộng</i>
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	0	0	0
- Mua trong năm	0	0	0
- Đầu tư XDCB hoàn thành	1.760.250.415	0	1.760.250.415
- Thanh lý, nhượng bán	0	0	0
Số dư cuối năm	1.760.250.415	0	1.760.250.415
Giá trị hao mòn lũy kế			0
Số dư đầu năm	0	0	0
- Khấu hao trong năm	41.910.724	0	41.910.724
- Thanh lý, nhượng bán	0	0	0
Số dư cuối năm	41.910.724	0	41.910.724
Giá trị còn lại			
- Tại ngày đầu năm	0	0	0
- Tại ngày cuối năm	1.718.339.691	0	1.718.339.691

09. Xây dựng cơ bản dở dang

	Cuối năm	Đầu năm
Vườn cây kiến thiết cơ bản	91.963.112.624	76.547.579.199
- Vườn cây năm thứ 2 (năm 2011)	13.974.732.191	9.891.312.131
- Vườn cây năm thứ 3 (năm 2010)	23.512.801.435	19.277.693.971
- Vườn cây năm thứ 4 (năm 2009)	12.870.043.418	10.710.858.613

09. Xây dựng cơ bản dở dang (tiếp)

	Cuối năm	Đầu năm
- Vườn cây năm thứ 5 (năm 2008)	12.612.552.982	10.945.899.840
- Vườn cây năm thứ 6 (năm 2007)	14.541.407.157	12.757.070.835

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2012

- Vườn cây năm thứ 7 (năm 2005)	12.964.743.809	12.964.743.809
- Vườn cây trồng mới (năm 2012)	291.555.433	0
- Chi phí phục hoang vườn cây năm 2012	307.961.264	0
- Chi phí vườn cây năm 2013	887.314.935	0
Công trình Xí nghiệp sản xuất thùng phi	13.087.808.910	13.087.808.910
Dự án mở rộng hệ thống xử lý nước thải NM trung tâm	173.958.182	123.958.182
Phòng quản lý chất lượng	0	369.167.300
Chi phí quyền sử dụng đất	0	1.760.250.415
Máy phá mẫu Kjeldatherm model: KB20S	0	81.000.000
Thiết bị phòng cháy chữa cháy Nhà máy trung tâm	90.000.000	19.800.000
Cộng	105.314.879.716	91.989.564.006

10. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

	Cuối năm	Đầu năm
Công ty Cổ phần An Thịnh - Việt Lào	1.000.000.000	1.000.000.000
Công ty Cổ phần Chế Biến gỗ Tây Ninh	24.500.000.000	10.500.000.000
Cộng	25.500.000.000	11.500.000.000

11. Đầu tư dài hạn khác

	Cuối năm	Đầu năm
Đầu tư trái phiếu	0	0
Đầu tư dài hạn khác	146.848.854.500	135.918.644.500
<u>Trong đó :</u>		
Công ty Cổ phần Cao su Việt Lào	77.500.000.000	60.000.000.000
Công ty Cổ phần TMDV và Du lịch Cao su	10.000.000.000	10.000.000.000
Công ty Cổ phần Nước khoáng Ninh Diễn	0	1.500.000.000
Công TNHH Đầu tư hạ tầng - VRG	26.814.553.550	26.814.553.550
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Cao su Nghệ An	0	12.000.000.000

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2012

<i>Công ty Cổ phần Cao su Dầu tiếng - Lào Cai</i>	12.834.300.950	5.904.090.950
<i>Công ty Cổ phần Phát triển khu CN Cao su Việt Nam</i>	19.700.000.000	19.700.000.000
Cộng	146.848.854.500	135.918.644.500

Ghi chú: Số lượng cổ phiếu của các khoản đầu tư vào Công ty liên kết, Đầu tư tài chính dài hạn khác chưa được phản ánh ở chỉ tiêu số lượng cổ phiếu là do các khoản đầu tư góp vốn của Công ty vào các Công ty khác (nêu trên) chưa được cấp sổ cổ đông.

12. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn khác	Cuối năm	Đầu năm
Công ty Cổ phần Nước khoáng Ninh Diên	0	(572.055.506)
Cộng	0	(572.055.506)

13. Chi phí trả trước dài hạn	Cuối năm	Đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	0	200.842.735
Chi phí sửa chữa lớn	0	197.457.450
Chi phí nghiên cứu có giá trị lớn	0	0
Cộng	0	398.300.185

14. Tài sản dài hạn khác	Cuối năm	Đầu năm
Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa	0	21.100.000.000
Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên - Kampongthom	0	21.200.000.000
Công ty Cổ phần Cao su Bà Rịa - Kampongthom	0	21.200.000.000
Công ty Đầu tư và Phát triển Đông Bắc Campuchia	0	7.355.000.000
Ký cược ký quỹ dài hạn khác	20.700.000	20.700.000
Cộng	20.700.000	70.875.700.000

Ghi chú: Số đầu năm - Các khoản ký cược, ký quỹ dài hạn tại Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa, Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên - Kampongthom, Công ty Đầu tư và Phát triển Đông Bắc Campuchia với mục đích để vay ngoại tệ đầu tư sang công ty con - Công ty Phát triển Cao su Tây Ninh Siem Riệp tại Vương quốc Campuchia.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2012

15. Vay và nợ ngắn hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Vay ngắn hạn	0	0
Nợ dài hạn đến hạn trả (*)	3.698.536.746	4.425.268.281
Cộng	3.698.536.746	4.425.268.281

Ghi chú: Chi tiết nợ dài hạn đến hạn trả xem Phụ lục 02 kèm theo.

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Cuối năm	Đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	6.510.309.687	2.880.533.254
Thuế xuất khẩu	0	135.677.387
Thuế thu nhập doanh nghiệp	0	3.917.553.612
Thuế thu nhập cá nhân	0	1.258.729.500
Cộng	6.510.309.687	8.192.493.753

Thuế Giá trị gia tăng: Công ty áp dụng luật thuế giá trị gia tăng với phương pháp tính thuế là phương pháp khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Hiện nay, Công ty đang thực hiện ưu đãi thuế TNDN theo Công văn số 1661/TCT - CS ngày 28/4/2008 của Tổng cục thuế với nội dung Công ty Cổ phần Cao su Tây Ninh là công ty thành lập từ cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngày 28/12/2006; Công ty hoạt động trên địa bàn huyện Gò Dầu - Tỉnh Tây Ninh thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn được ưu đãi đầu tư, đồng thời số lao động thường xuyên sử dụng trong khoảng từ 500 đến 5000 lao động. Do vậy Công ty được ưu đãi về thuế TNDN cụ thể như sau:

Áp dụng mức thuế suất thuế TNDN 15% trong 12 năm kể từ khi bắt đầu đi vào hoạt động kinh doanh; Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 03 năm, kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 07 năm tiếp theo. Công ty bắt đầu đăng ký ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2007. Đối với hoạt động kinh doanh khác, Công ty không được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp do vậy áp dụng mức thuế suất 25%.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2012

Công ty cũng áp dụng Thông tư số 140/2012/TT – BTC ngày 21/08/2012 của Bộ Tài Chính v/v Hướng dẫn nghị định số 60/2012/NĐ-CP ngày 30/07/2012 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 29/2012/QH13 của Quốc hội về ban hành bổ sung một số giải pháp về thuế nhằm tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp và cá nhân. Theo đó, Công ty xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm từ lợi nhuận phát sinh trong việc trồng cây cao su.

Các loại thuế khác

Công ty áp dụng các loại sắc thuế khác như thuế môn bài, thuế thu nhập cá nhân.. theo đúng quy định hiện hành.

Ghi chú: Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

17. Chi phí phải trả

	Cuối năm	Đầu năm
Chi phí kiểm toán	190.000.000	100.000.000
Tiền ăn giữa ca	3.724.119.000	0
Chi phí lãi vay	12.690.905	76.808.034
Các khoản chi phí khác	51.872.140	525.419.252
Cộng	3.978.682.045	702.227.286

18. Các khoản phải trả phải nộp khác

	Cuối năm	Đầu năm
Kinh phí công đoàn	442.672.092	3.536.265.045
Phí bảo hiểm xuất khẩu	428.453.853	881.465.433
Phải trả cổ tức	3.467.395.000	42.027.500
Nhận ký cược ký quỹ ngắn hạn thực hiện hợp đồng	322.882.507	10.000.000
Các khoản phải trả khác	150.528.000	106.453.000
Cộng	4.811.931.452	4.576.210.978

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2012

19. Vay và nợ dài hạn

	Cuối năm	Đầu năm
a - Vay dài hạn	4.992.437.336	8.690.974.082
- Vay ngân hàng (*)	4.992.437.336	8.690.974.082
- Vay đối tượng khác		
b - Nợ dài hạn	0	0
Cộng	4.992.437.336	8.690.974.082

Ghi chú: Chi tiết vay dài hạn xem Phụ lục 03 kèm theo.

20. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu: Chi tiết xem Phụ lục số 04 kèm theo

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối năm	Đầu năm
Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam	180.000.000.000	180.000.000.000
Cổ phiếu quỹ	8.750.000.000	4.000.000.000
Vốn của các đối tượng khác	111.250.000.000	116.000.000.000
Cộng	300.000.000.000	300.000.000.000

c. Các giao dịch về vốn chủ sở hữu với các chủ sở hữu và phân phối lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	300.000.000.000	300.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm		
Vốn góp giảm trong năm		
Vốn góp cuối năm	300.000.000.000	300.000.000.000

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2012

- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	147.287.500.000	88.800.000.000
<i>+Cổ tức lợi nhuận đã chia năm 2010</i>	<i>0</i>	<i>88.800.000.000</i>
<i>+Cổ tức lợi nhuận đã chia năm 2011</i>	<i>103.600.000.000</i>	<i>0</i>
<i>+Cổ tức lợi nhuận đã chia năm 2012</i>	<i>43.687.500.000</i>	<i>0</i>

d. Cổ phiếu	Cuối năm	Đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	30.000.000	30.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	30.000.000	30.000.000
<i>+ Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>30.000.000</i>	<i>30.000.000</i>
<i>+ Cổ phiếu ưu đãi</i>		
Số lượng cổ phiếu được mua lại trong năm	875.000	400.000
<i>+ Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>875.000</i>	<i>400.000</i>

d. Cổ phiếu (tiếp)	Cuối năm	Đầu năm
<i>+ Cổ phiếu ưu đãi</i>		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	29.125.000	29.600.000
<i>+ Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>29.125.000</i>	<i>29.600.000</i>
<i>+ Cổ phiếu ưu đãi</i>		

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 đồng /01 Cổ phiếu

e. Phân phối lợi nhuận

Chỉ tiêu	Năm nay	Ghi chú
Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm	384.060.642.842	(1)
Lợi nhuận tăng trong năm từ kết quả hoạt động kinh doanh	348.298.435.614	(2)
Các khoản giảm trừ vào lợi nhuận sau thuế	0	(3)
Lợi nhuận được chia cổ tức và phân phối các quỹ trong kỳ	732.359.078.456	(4)=(1)+(2)+(3)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2012

Phân phối các quỹ và chia cổ tức, trong đó:	(427.748.142.842)	(5)
<i>Chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2011, năm 2012</i>	<i>(147.287.500.000)</i>	
<i>Trích thưởng ban điều hành, ban quản lý, ban kiểm soát</i>	<i>0</i>	
<i>Trích quỹ đầu tư phát triển</i>	<i>(280.460.642.842)</i>	
<i>Trích quỹ dự phòng tài chính</i>	<i>0</i>	
<i>Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi</i>	<i>0</i>	
Lợi nhuận còn lại chưa phân phối cuối năm	304.610.935.614	(6) = (4)+(5)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Đơn vị tính: VND

21. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm nay	Năm trước
Doanh thu thuần bán hàng hóa	30.546.388.411	25.582.426.872
Doanh thu thuần bán sản phẩm	877.336.436.135	1.160.568.695.620
Doanh thu cung cấp dịch vụ	7.627.534.489	9.133.191.802
Doanh thu hợp đồng xây dựng	0	0
Cộng	915.510.359.035	1.195.284.314.294

22. Các khoản giảm trừ doanh thu	Năm nay	Năm trước
Thuế Xuất khẩu	7.797.377.829	0
Cộng	7.797.377.829	0

23. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm nay	Năm trước
Doanh thu thuần bán hàng hóa	30.546.388.411	25.582.426.872
Doanh thu thuần bán sản phẩm	869.539.058.306	1.160.568.695.620
Doanh thu cung cấp dịch vụ	7.627.534.489	9.133.191.802
Doanh thu hợp đồng xây dựng	0	0
Cộng	907.712.981.206	1.195.284.314.294

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2012

24. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hoá đã bán	30.348.095.528	25.475.239.780
Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã bán	573.390.071.084	666.504.082.103
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	7.182.895.822	8.725.575.941
Hao hụt, mất mát hàng tồn kho	0	18.821.663
Các khoản chi phí vượt mức bình thường	0	0
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(14.228.024)	14.228.024
Cộng	610.906.834.410	700.737.947.511

25. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	57.432.820.371	63.367.434.223
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.575.000.000	2.125.393.829
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	60.370.485	11.448.209.839
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	561.996	0
Doanh thu hoạt động tài chính khác	4.725.000	10.175.700
Cộng	59.073.477.852	76.951.213.591

26. Chi phí hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay	1.481.876.534	2.126.577.798
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	710.432.778	0
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	983.131.677	264.913.731
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	211.700.831	0
Cộng	3.387.141.820	2.391.491.529

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2012

27. Thu nhập khác	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ thanh lý cây cao su	73.632.009.953	56.094.937.751
Thu nhập từ cây cao su gãy đổ	3.547.336.000	4.570.503.000
Thu nhập từ bán phế liệu	403.877.454	284.462.727
Thu nhập từ mùn tạt thu	512.916.000	484.952.381
Thu tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư	2.600.730.000	0
27. Thu nhập khác (tiếp)	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ hoàn nhập Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	5.117.964.433	0
Thu nhập từ thế chân đầu thầu, bảo lãnh hợp đồng	3.500.000.000	0
Thu nhập khác	1.355.531.910	2.020.216.584
Cộng	90.670.365.750	63.455.072.443
28. Chi phí khác	Năm nay	Năm trước
Chi phí thanh lý vườn cây cao su	10.071.457.695	7.294.899.152
Chi phí từ bán cao su gãy đổ	52.028.113	197.167.600
Các khoản chi nộp phạt	1.804.046	15.718.555
Chi phí khác	1.829.198.863	1.057.536.401
Cộng	11.954.488.717	8.565.321.708
29. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Năm nay	Ghi chú
I. Hoạt động kinh doanh chính		
<i>Lợi nhuận kế toán của hoạt động SXKD chính</i>	<i>255.530.952.543</i>	<i>(1)</i>
<i>Các khoản loại trừ ra khỏi chi phí tính thuế</i>	<i>44.960.798</i>	<i>(2)</i>
<i>Lợi nhuận tính thuế hoạt động SXKD chính</i>	<i>255.575.913.341</i>	<i>(3)=(1)+(2)</i>
<i>Thuế TNDN phải nộp của hoạt động SXKD chính (15%)</i>	<i>38.336.387.001</i>	<i>(4)=(3) x 15%</i>
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm (50%)</i>	<i>19.168.193.501</i>	<i>(5) =(4) x 50%</i>

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2012

<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm (30%) từ mủ khai thác của Công ty</i>	5.737.059.646	(6)
Thuế TNDN phải nộp của hoạt động SXKD chính	13.431.133.854	(a) = (4) - (5)-(6)
II. Hoạt động kinh doanh khác		
<i>Lợi nhuận kế toán của hoạt động SXKD khác</i>	134.402.213.065	(7)
<i>Loại trừ thu nhập khi tính thuế TNDN</i>	1.575.000.000	(8)
<i>Các khoản loại trừ ra khỏi chi phí tính thuế</i>	212.942.881	(9)
<i>Lợi nhuận tính thuế TNDN</i>	133.040.155.946	(10)=(7)-(8)+(9)
Thuế TNDN phải nộp của hoạt động SXKD khác	33.260.038.987	(11) = (10) x 25%
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm (30%)</i>	5.029.189.512	(12)
Thuế TNDN phải nộp của hoạt động kinh doanh khác	28.230.849.475	(b) = (11) - (12)
Tổng thuế TNDN phải nộp trong năm	41.661.983.329	(c) = (a)+(b)
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp đầu năm	3.917.553.612	(d)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(47.897.302.382)	(e)
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp bổ sung năm trước	25.531.374	(f)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối năm	(2.292.234.067)	(g)=(c)+(d)+(e)+(f)
30. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận sau thuế được phân phối	348.298.435.614	515.081.527.263
Cổ phiếu lưu hành bình quân	29.419.164	29.600.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	11.839	17.401

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2012

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC

01. Giao dịch với các bên liên quan

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

a. Giao dịch với các thành viên chủ chốt

Thù lao hội đồng quản trị	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	166.310.486	252.810.418
Số phải trả trong năm	197.171.197	469.327.550
Số đã trả trong năm	321.230.366	555.827.482
Số còn phải trả cuối năm	42.251.317	166.310.486

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng	Năm nay	Năm trước
Tiền lương, BHXH, BHYT, BHTN	1.439.611.402	2.569.222.049
Cộng	1.439.611.402	2.569.222.049

b. Các bên liên quan

a) Tại ngày 31/12/2012 các khoản phải thu, đầu tư ngắn hạn với các bên liên quan như sau:

Tên gọi	Quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số tiền
Công ty CP Chế biến - XNK Gỗ Tây Ninh	Công ty liên kết	Phải thu tiền bán cây cao su thanh lý	2.684.699.262
Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam	Công ty mẹ	Mua mủ	18.962.392.547
Công ty Tây Ninh Siêm Riệp Phát triển Cao su	Công ty con	Ứng vốn cho công ty con	1.124.712.000
Công ty CP Chế biến - XNK Gỗ Tây Ninh	Công ty liên kết	Cho vay bổ sung vốn lưu động	6.450.000.000
		Lãi dự thu	72.204.200

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2012

b) Các nghiệp vụ giao dịch phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:

Tên gọi	Quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số tiền
Công ty CP Chế biến - XNK Gỗ Tây Ninh	Công ty liên kết	Thu gốc cho vay	27.000.000.000
		Thu lãi cho vay	694.088.383
		Thu bán cây cao su thanh lý	25.997.703.091
		Thu bán cây cao su gãy đổ	3.547.198.000
		Góp vốn	14.000.000.000
		Bán mủ cao su	11.040.000.000
Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam	Công ty mẹ	Phí UTXX phải trả	978.680.793
		Phí UTXX đã trả	657.779.704

02. Báo cáo bộ phận

Công ty không lập báo cáo bộ phận vì không thỏa mãn 1 trong 3 điều kiện phải lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hay khu vực địa lý được quy định tại Thông tư 20/2006/TT-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính v/v hướng dẫn thực hiện sáu (06) chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

03. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
A. Tài sản tài chính				
Tiền và tương đương tiền	558.519.260.814	674.988.426.269	558.519.260.814	674.988.426.269
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	382.698.854.500	179.746.588.994	382.698.854.500	179.746.588.994
<i>Trong đó:</i>				
<i>Các khoản đầu tư dài hạn</i>	<i>172.348.854.500</i>	<i>146.846.588.994</i>	<i>172.348.854.500</i>	<i>146.846.588.994</i>
<i>Các khoản đầu tư ngắn hạn</i>	<i>210.350.000.000</i>	<i>32.900.000.000</i>	<i>210.350.000.000</i>	<i>32.900.000.000</i>

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2012

Phải thu khách hàng	74.921.353.212	25.318.815.400	73.806.009.790	24.203.471.978
Các khoản phải thu khác	29.778.200.586	35.401.994.561	29.778.200.586	35.401.994.561
Cộng	1.045.917.669.112	915.455.825.224	1.044.802.325.690	914.340.481.802
B. Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	8.690.974.082	13.116.242.363	8.690.974.082	13.116.242.363
Phải trả cho người bán	1.115.302.841	2.576.805.179	1.115.302.841	2.576.805.179
Phải trả cho người lao động	115.924.665.662	194.407.146.319	115.924.665.662	194.407.146.319
Chi phí phải trả	3.978.682.045	702.227.286	3.978.682.045	702.227.286
Các khoản phải trả khác	4.811.931.452	4.576.210.978	4.811.931.452	4.576.210.978
Cộng	134.521.556.082	215.378.632.125	134.521.556.082	215.378.632.125

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch. Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu được đánh giá dựa trên tính chất rủi ro liên quan đến khoản nợ. Do đó Công ty không tính dự phòng cho các khoản phải thu khách hàng.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá công bố tại ngày 31/12/2012. Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết được ước tính bằng các phương pháp định giá phù hợp.

04. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2012

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

05. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền. Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau. Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền. Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số đầu năm				
Vay và nợ	4.425.268.281	8.690.974.082	0	13.116.242.363
Phải trả cho người bán	2.576.805.179	0	0	2.576.805.179
Phải trả người lao động	194.407.146.319	0	0	194.407.146.319
Chi phí phải trả	702.227.286	0	0	702.227.286
Các khoản phải trả khác	4.576.210.978	0	0	4.576.210.978
Cộng	206.687.658.043	8.690.974.082	0	215.378.632.125

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2012

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Vay và nợ	3.698.536.746	4.992.437.336	0	8.690.974.082
Phải trả cho người bán	1.115.302.841	0	0	1.115.302.841
Phải trả người lao động	115.924.665.662	0	0	115.924.665.662
Chi phí phải trả	3.978.682.045	0	0	3.978.682.045
Các khoản phải trả khác	4.811.931.452	0	0	4.811.931.452
Cộng	129.529.118.746	4.992.437.336	0	134.521.556.082

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

06. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường gồm 03 loại: Rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá. Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản vay.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2012

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá trị trường ngoài thay thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

07. Những khoản nợ tiềm tàng

Không phát sinh bất kỳ khoản nợ tiềm tàng nào phát sinh từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa ghi nhận.

08. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không phát sinh bất kỳ sự kiện nào có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính cũng như có hoặc có thể tác động đáng kể đến hoạt động của Công ty.

09. Thông tin hoạt động liên tục

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể qui mô hoạt động của mình.

10. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Bảng cân đối kế toán riêng của Báo cáo tài chính riêng năm 2011 của Công ty Cổ phần Cao su Tây Ninh đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Tư vấn Kế toán và Kiểm toán Việt Nam.

11. Phê duyệt Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 của Công ty được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt để ban hành vào ngày 15/03/2013



Người lập biểu
Trần Thị Tố Anh
Tây Ninh, Việt Nam
Ngày 15 tháng 03 năm 2013



Kế toán trưởng
Trần Ngọc Ân



Tổng Giám đốc
Lê Văn Chánh

TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính : VND

<i>Khoản mục</i>	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải truyền dẫn</i>	<i>Thiết bị dụng cụ quản lý</i>	<i>Vườn cây cao su</i>	<i>Cộng</i>
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	75.663.727.574	70.562.086.040	30.810.299.187	6.175.335.378	274.710.436.573	457.921.884.752
Mua trong năm	0	644.131.952	2.056.176.455	415.055.000	0	3.115.363.407
Đầu tư XDCB hoàn thành	3.812.215.853	0	0	0	12.964.743.809	16.776.959.662
Thanh lý, nhượng bán	33.882.887	1.276.341.300	0	222.686.919	24.327.855.011	25.860.766.117
Số dư cuối năm	79.442.060.540	69.929.876.692	32.866.475.642	6.367.703.459	263.347.325.371	451.953.441.704
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	34.380.903.630	32.480.106.532	18.090.979.798	3.296.490.592	110.902.867.265	199.151.347.817
Khấu hao trong năm	4.179.900.451	5.863.252.989	3.369.324.472	481.070.824	9.346.965.609	23.240.514.345
Thanh lý, nhượng bán	33.882.887	1.276.341.300	0	222.686.919	14.425.456.312	15.958.367.418
Số dư cuối năm	38.526.921.194	37.067.018.221	21.460.304.270	3.554.874.497	105.824.376.562	206.433.494.744
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	41.282.823.944	38.081.979.508	12.719.319.389	2.878.844.786	163.807.569.308	258.770.536.935
Tại ngày cuối năm	40.915.139.346	32.862.858.471	11.406.171.372	2.812.828.962	157.522.948.809	245.519.946.960

NỢ DÀI HẠN ĐẾN HẠN TRẢ

Đơn vị tính : VND

Bên cho vay	Số hợp đồng vay	Lãi suất vay (năm)	Thời gian vay (tháng)	Tổng giá trị khoản vay	Số dư nợ gốc	Phương thức đảm bảo khoản vay và mục đích vay
Nợ dài hạn đến hạn trả					3.698.536.746	
Công ty Tài chính TNHH MTV Cao su Việt Nam	08-2006/HĐH ngày 26/09/2006	9,00%	112	20.000.000.000	1.599.576.746	Bảo lãnh vay vốn 2342/CSVN-TCKT ngày 04/10/2010 của Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty Cao su Việt Nam, mục đích vay hoàn vốn theo QĐ/1855/TB
Ngân hàng Thương mại CP Sài Gòn – Hà nội CN T.P Hồ Chí Minh	020.00015000/HĐTD/TD HDN/SHB.HCM ngày 06/07/2009	11,80%	60	2.812.059.707	702.960.000	Đảm bảo bằng tài sản hình thành từ dự án đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất thùng phi thép tương đương 32.887.838.000 đồng, mục đích vay để đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất thùng phi thép
Ngân hàng Thương mại CP Sài Gòn - HN CN T.P Hồ Chí Minh	020.0002031/HĐTD/TDH -DN/SHB.HCM ngày 30/12/2009	11,80%	72	6.985.062.000	1.396.000.000	Đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay dây chuyền chế biến mù tương đương 13.208.856.000 đồng, mục đích đầu tư dự án mở rộng dây chuyền chế biến mù ly tâm - Nhà máy Chế biến Trung tâm
Tổng cộng					<u>3.698.536.746</u>	

VAY DÀI HẠN*Đơn vị tính : VND*

Bên cho vay	Số hợp đồng vay	Lãi suất vay (năm)	Thời gian vay (tháng)	Tổng giá trị khoản vay	Số dư nợ gốc ngày 31/12/2012	Phương thức đảm bảo khoản vay
Công ty Tài chính TNHH MTV Cao su Việt Nam	08-2006/HĐH ngày 26/09/2006	9,00%	112	20.000.000.000	1.785.095.629	Bảo lãnh vay vốn 2342/CSVN-TCKT ngày 04/10/2010 của Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty Cao su Việt Nam, mục đích vay hoàn vốn theo QĐ/1855/TB của Tổng Công ty Cao su Việt Nam
NH TM CP Sài Gòn - HN CN TP HCM	020.00015000/HĐTD/TD H-DN/SHB.HCM ngày 06/07/2009	11,80%	60	2.812.059.707	410.279.707	Đảm bảo bằng tài sản hình thành từ dự án đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất thùng phi thép tương đương 32.887.838.000 đồng, mục đích vay để đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất thùng phi thép
NH TM CP Sài Gòn - HN CN TP HCM	020.0002031/HĐTD/TDH -DN/SHB.HCM ngày 30/12/2009	11,80%	72	6.985.062.000	2.797.062.000	Đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay dây chuyền chế biến mù tương đương 13.208.856.000 đồng, mục đích đầu tư dự án mở rộng dây chuyền chế biến mù ly tâm - Nhà máy Chế biến Trung tâm
Tổng cộng					<u>4.992.437.336</u>	

BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Đơn vị tính: VND

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</i>	<i>Cổ phiếu quỹ</i>	<i>Chênh lệch tỷ giá hối đoái</i>	<i>Quỹ đầu tư phát triển</i>	<i>Quỹ dự phòng tài chính</i>	<i>Lợi nhuận sau thuế</i>	<i>Cộng</i>
Số dư đầu năm trước	300.000.000.000	(23.938.315.832)	(6.144.399.448)	257.210.616.145	36.265.824.914	204.006.672.067	767.400.397.846
Tăng trong năm trước	0	0	6.194.296.594	150.212.395.777	24.003.790.178	515.081.527.263	695.492.009.812
Lãi trong năm trước	0	0	0	35.005.723.710	24.003.790.178	515.081.527.263	574.091.041.151
Phân phối lợi nhuận	0	0	0	115.206.672.067	0	0	115.206.672.067
Tăng do đánh giá lại	0	0	6.194.296.594	0	0	0	6.194.296.594
Giảm trong năm trước	0	0	(804.905.171)	0	0	(335.027.556.488)	(335.832.461.659)
Đánh giá lại tỷ giá	0	0	(804.905.171)	0	0	0	(804.905.171)
Trả cổ tức	0	0	0	0	0	(88.800.000.000)	(88.800.000.000)
Trích quỹ ĐTPT năm trước	0	0	0	0	0	(115.206.672.067)	(115.206.672.067)
PP Lợi nhuận năm trước	0	0	0	0	0	(131.020.884.421)	(131.020.884.421)
Số dư cuối năm trước	300.000.000.000	(23.938.315.832)	(755.008.025)	407.423.011.922	60.269.615.092	384.060.642.842	1.127.059.945.999
Số dư đầu năm nay	300.000.000.000	(23.938.315.832)	(755.008.025)	407.423.011.922	60.269.615.092	384.060.642.842	1.127.059.945.999
Tăng trong năm nay	0	(19.839.670.961)	976.709.384	280.460.642.842	0	67.837.792.772	328.458.764.653
Lãi trong năm nay	0	0	0	0	0	348.298.435.614	348.298.435.614
Trích quỹ đầu tư phát triển	0	0	0	280.460.642.842	0	(280.460.642.842)	0
Giao dịch CP quỹ	0	(19.839.670.961)	0	0	0	0	(19.839.670.961)
Đánh giá lại tỷ giá	0	0	976.709.384	0	0	0	976.709.384
Giảm trong năm nay	0	0	(221.701.359)	0	0	(147.287.500.000)	(147.509.201.359)
Đánh giá lại tỷ giá	0	0	(221.701.359)	0	0	0	(221.701.359)
Trả cổ tức	0	0	0	0	0	(147.287.500.000)	(147.287.500.000)
Số dư cuối năm nay	300.000.000.000	(43.777.986.793)	0	687.883.654.764	60.269.615.092	304.610.935.614	1.308.986.218.677

Trụ sở : Quốc lộ 22B- Hiệp Thạnh- Gò Dầu- Tây Ninh

Điện thoại: 066. 3853606 – 3853232

Fax: 066. 3853608

Email: taniruco@gmail.com

Website: www.taniruco.com.vn

